



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 51 + 52

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI

Trang

19-12-2018	Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	04
19-12-2018	Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của huyện A Lưới thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý.	12

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

14-12-2018	Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	31
14-12-2018	Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.	37

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG

12-12-2018	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	44
------------	---	----

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

14-12-2018	Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	48
------------	---	----

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG

13-12-2018	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	54
13-12-2018	Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 huyện Phú Vang.	59

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

07-12-2018	Quyết định số 2847/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.	65
21-12-2018	Chỉ thị số 29/CT-UBND về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.	80

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI

19-12-2018	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện bầu.	84
19-12-2018	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND về dự toán ngân sách huyện năm 2019.	88
19-12-2018	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới năm 2019.	90

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

14-12-2018	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND thị xã Hương Trà khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.	92
14-12-2018	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã, khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.	93
14-12-2018	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND về dự toán ngân sách nhà nước thị xã năm 2019.	94

14-12-2018	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2019.	96
14-12-2018	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.	98

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN

14-12-2018	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước huyện năm 2019.	102
14-12-2018	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND về việc thông qua điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2017.	104
14-12-2018	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về thông qua kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp.	106
14-12-2018	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về kết quả giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.	109

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2018/NQ-HĐND

A Lưới, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;**Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu.***QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Tán thành đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời Hội đồng nhân dân huyện lưu ý thêm những vấn đề sau:

Năm 2018 là năm bản lề của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2015 - 2020; năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; năm diễn ra nhiều sự kiện lớn của quê hương, đất nước. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2018, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn: tình hình thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, đầu tư công hạn chế; hệ thống kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ; giá cả thị trường biến động thất thường, khí hậu thời tiết bất lợi cho sản xuất,... khiến đời sống của phần lớn Nhân dân gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành tích cực, quyết liệt của chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể Nhân dân huyện nhà, trong năm 2018, chúng ta cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo được những đột phá mới trong thu nhập; tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,48% so với năm 2017; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 12%; tỷ lệ người lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi; xây dựng nông thôn mới đạt được

nhiều kết quả quan trọng; an sinh xã hội, tạo việc làm được quan tâm; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững... Những kết quả nổi bật đó khẳng định sự phát triển của huyện nhà là tích cực và toàn diện.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cho thấy chúng ta vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm đó là: có 05 chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng không đạt, chất lượng một số chỉ tiêu đạt chưa cao; các công trình lớn, quan trọng phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chưa được triển khai (nhà máy chế biến tinh bột sắn; cơ sở sản xuất, chế biến gỗ...). Hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế; công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa có chuyển biến tích cực; khai thác khoáng sản trái phép, phá rừng vẫn còn diễn biến phức tạp. Cải cách hành chính chuyển biến vẫn còn chậm, kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm; năng lực dự báo, xây dựng kế hoạch còn bất cập; ý thức của Nhân dân trong giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới vẫn còn hạn chế. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại một số địa bàn vẫn còn diễn biến phức tạp.

Năm 2019 là năm thứ tư của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2015 - 2020; năm thứ ba thời kỳ ổn định ngân sách, năm có rất nhiều sự kiện lớn, các ngày lễ trọng đại diễn ra trên địa bàn; tập trung thực hiện một số công việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp; hưởng ứng chủ đề “năm kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, đòi hỏi quyết tâm nỗ lực rất cao của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vượt qua khó khăn, tập trung nguồn lực để tạo đột phá mới trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Kế thừa và phát huy những thành tựu kinh tế - xã hội đạt được của những năm qua, khắc phục hạn chế, khuyết điểm, phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; triển khai các nghị quyết kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa VII và nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 15 tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong sản xuất, đời sống của Nhân dân; năm 2019, nhiệm vụ của huyện tập trung vào những định hướng chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu phát triển

Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, thu hút và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn. Tập trung phát triển các sản phẩm nghề truyền thống, các ngành dịch vụ lợi thế; sắp xếp lại lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Đẩy mạnh phát triển du lịch; bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giảm biên chế; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, văn minh công sở. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

a) Các chỉ tiêu kinh tế

Thu nhập bình quân đầu người đạt 25 triệu đồng/người/năm;

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 800 tỷ đồng;

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 140 tỷ đồng;

(phần giao huyện thu 22,170 tỷ đồng)

Tổng diện tích gieo trồng cả năm: 6.300 ha;

Sản lượng lương thực có hạt: 18.400 tấn;

Diện tích trồng rừng kinh tế: 2.000 ha; diện tích trồng sắn: 1.800 ha;

Tổng đàn gia súc: 46.000 con (đàn bò 11.000 con); tổng đàn gia cầm: 350.000 con.

b) Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,50%;

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 11,0%;

Các chỉ tiêu về giáo dục: tỷ lệ huy động học sinh đến trường: trẻ từ 1 - 2 tuổi: 41,00%, trẻ từ 3 - 4 tuổi: 98,00%, trẻ 5 tuổi: 99,50%, học sinh tiểu học: 99,5%, học sinh trung học cơ sở: 93,00%, học sinh Trung học phổ thông: 77,50%; số trường đạt chuẩn quốc gia: 28 trường;

Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 97,20%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 14,85%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 8,20%;

Đơn vị đạt chuẩn văn hóa: làng, thôn, tổ dân phố: 07; cơ quan, trường học: 08; hộ gia đình: 1.000 hộ;

Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 34% (tạo việc làm mới cho 500 lao động);

Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3%;

Xã đạt chuẩn Nông thôn mới: tăng 01 xã (đến cuối năm 2019 có 05 xã). Mỗi xã xây dựng 01 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; mỗi thôn xây dựng 01 vườn mẫu.

c) Các chỉ tiêu về môi trường

Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh: trên 96% (nước sạch trên 65%);

Tỷ lệ thu gom rác thải khu vực đô thị mở rộng 80%; tỷ lệ hộ gia đình có hố chôn lấp rác thải khu vực nông thôn 90%; chất thải y tế thu gom và xử lý 100%.

3. Các chương trình trọng điểm

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 4 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI đã đề ra:

Chương trình giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nghề truyền thống.

Chương trình phát triển văn hóa, du lịch gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số.

4. Các công trình, dự án trọng điểm

Nguồn ngân sách nhà nước: hoàn thành xây dựng chợ A Lưới, chợ Bớt Đỏ; triển khai xây dựng Trường Mầm non Bắc Sơn, nhà làm việc khối Mặt trận - Đoàn thể thị trấn A Lưới; chỉnh trang các tuyến đường Konh Hư, Động Tiên Công; xây dựng hệ thống các tuyến đường vào khu sản xuất; cảnh quan đồi thông sau khu vực quảng trường.

Các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách: dự án chăn nuôi bò công nghệ cao; dự án nuôi heo công nghệ cao; dự án trồng và chăm sóc cây dược liệu; dự án Trung tâm thu mua gỗ rừng trồng, sản xuất và chế biến gỗ gia dụng; dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp chính

a) Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

Tập trung huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm đã được xác định và các công trình cụ thể trong năm 2019; thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng các mô hình đã khẳng định được hiệu quả; tạo sản phẩm mới, thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực bảo đảm bền vững và có giá trị gia tăng cao; tạo đột phá mạnh trong giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh... Tích cực vận động Nhân dân đổi mới tư duy trong tiêu dùng, thực hành tiết kiệm, thay đổi tập quán và phương thức canh tác, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động; tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao năng suất và sản lượng, tăng thu nhập, bảo đảm phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể phục vụ cho nhu cầu xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển làm động lực của nền kinh tế; cải thiện cơ cấu thu nhập.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giảm biên chế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao đạo đức, văn hóa, tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là ở các cơ quan trực tiếp giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả hoạt động thanh tra trong thực thi công vụ, nhất là công tác cán bộ, kỷ luật hành chính. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc, tăng cường ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân, nhất là ở cấp cơ sở; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đề cao trách nhiệm giải trình, xử lý nghiêm vi phạm.

Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giảm biên chế theo tinh thần các Nghị quyết của

Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và hướng dẫn của Chính phủ. Phát huy dân chủ cơ sở, tạo chuyển biến tích cực; tăng cường đối thoại giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm hành chính công huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; xử lý dứt điểm và công khai kết quả phản ánh, kiến nghị của người dân.

Thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, đổi mới hoạt động tố tụng, xét xử các vụ án; khắc phục hạn chế trong công tác thi hành án. Xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, bền vững

Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh để tiếp tục đầu tư kiên cố hệ thống cầu, các công trình hư hỏng do bão lụt gây ra, điện, nước sinh hoạt; hệ thống giao thông liên xã, thôn, cụm dân cư, đường vào các khu sản xuất tập trung. Có chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tạo nguồn thu mới, hoàn thành chợ A Lưới, chợ Bớt Đỏ đưa vào sử dụng tạo điều kiện cho bà con tiểu thương ổn định mua bán, kinh doanh bồi dưỡng nguồn thu ngân sách bền vững; phát triển du lịch, dịch vụ; tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn; nhà máy sản xuất, chế biến dăm gỗ rừng trồng tại cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp A Co để sớm đi vào hoạt động phục vụ phát triển kinh tế. Phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tăng cường quản lý, điều hành thu chi ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước 2015.

d) Chăm lo phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, chỉ đạo xây dựng cơ quan văn hóa, làng, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa theo kế hoạch. Đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng năm 2019 được tổ chức tại huyện. Bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Phát triển thể dục thể thao quần chúng; chú trọng thể thao thành tích cao. Thực hiện các giải pháp phát triển

du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng môi trường du lịch thân thiện, bảo đảm an ninh, an toàn cho du khách.

Khai thác hiệu quả hoạt động của Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện; hệ thống truyền thanh các xã để làm tốt công tác tuyên truyền, phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền địa phương; chủ động thực hiện việc chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng từ công nghệ tương tự sang công nghệ số.

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, triển khai lộ trình đổi mới sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới công tác quản lý; tập trung rà soát thường xuyên để củng cố kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập tiểu học mức độ 3, phổ cập trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2. Tiếp tục xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, thực hiện xã hội hóa giáo dục. Củng cố, xây dựng và đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn, coi trọng công tác khuyến học, khuyến tài. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tăng cường cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y đức của người thầy thuốc; quan tâm y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y dược tư nhân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng. Thực hiện có hiệu quả Luật Bảo hiểm y tế, cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, chống lợi dụng, trục lợi bảo hiểm y tế; tăng số người tham gia bảo hiểm y tế đạt chỉ tiêu đề ra, thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Triển khai thực hiện các chính sách dân số và phát triển, quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi nạn tảo hôn; giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; củng cố các mô hình đăng ký xây dựng cụm dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên; thực hiện các giải pháp phát triển dân số bền vững, nâng cao chất lượng dân số.

Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục, ngăn chặn suy thoái đạo đức, lối sống; phòng, chống bạo lực gia đình, tệ nạn xã hội, xâm hại trẻ em, phụ nữ. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tổ chức thành công đại hội đại biểu Dân tộc thiểu số huyện A Lưới lần thứ III. Quan tâm chăm lo người cao tuổi, người khuyết tật và công tác gia đình, trẻ em, thanh thiếu niên, bình đẳng giới. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ sản xuất bảo đảm đời sống cho các hộ dân làng thanh niên lập nghiệp A Lưới; Nhân dân khu tái định canh, định cư thủy điện A Lưới; bảo đảm an sinh xã hội; phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh thực hiện tốt việc giúp đỡ các hộ nghèo tại 17 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%. Phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

đ) Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng; khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất rừng, giao đất sản xuất cho người dân, xử lý nghiêm tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Tập trung chỉ đạo khắc phục những yếu kém trong quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; quản lý quy hoạch. Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất đã được điều chỉnh đến năm 2020. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch trên các lĩnh vực. Quản lý chặt chẽ đất đai, bảo đảm hiệu quả, chống tiêu cực, lãng phí. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đất đai. Kiên quyết ngăn chặn, xử lý tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản, cát sỏi trái phép. Cải thiện chất lượng môi trường và xử lý ô nhiễm tại các cơ sở sản xuất. Chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

e) Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, bảo đảm phòng thủ tuyến biên giới

Thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững chắc; tổ chức thành công diễn tập chiến đấu khu vực phòng thủ huyện năm 2019; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời các âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch; nắm chắc tình hình, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; đấu tranh phòng, chống hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là các tội phạm đặc biệt nguy hiểm, tội phạm ma túy, lừa đảo, tham nhũng... Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ. Sẵn sàng ứng phó kịp thời, xử lý hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ.

Phát huy tình đoàn kết, hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, tăng cường trao đổi kinh nghiệm, học tập và giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình phát triển; giữ vững ổn định tuyến biên giới của 2 nước; tiếp tục đưa quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các thành viên tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng tổ chức thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân huyện kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân huyện nhà nêu cao tinh thần làm chủ, tích cực thi đua yêu nước, đoàn kết, nhất trí, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, huy động mọi nguồn lực bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội kỳ kế hoạch 2015 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Hồ Đàm Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2018/NQ-HĐND

A Lưới, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
của huyện A Lưới thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;**Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;**Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của huyện A Lưới thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu.***QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của huyện A Lưới thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý như sau:

1. Tổng số vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 điều chỉnh: 200.144.300.000 đồng

(Hai trăm tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng)

Trong đó:

a) Vốn đã thanh toán qua các năm: 115.146.000.000 đồng.

b) Vốn thực hiện còn lại đến 2020: 84.998.300.000 đồng.

- Thanh toán dự án đã quyết toán: 3.031.300.000 đồng.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: 26.350.000.000 đồng.

- Khởi công mới giai đoạn 2018 - 2020: 55.617.000.000 đồng.

c) Nguyên tắc phân bổ, cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ và danh mục các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của huyện A Lưới theo quy định hiện hành.

2. Nguồn kinh phí điều chỉnh, bổ sung các danh mục:

Từ nguồn dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh (10%) theo Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện và các nguồn hợp pháp khác.

(Chi tiết có phụ lục số 01 đính kèm)

3. Chi tiết điều chỉnh:

Điều chỉnh tăng, giảm danh mục công trình tại phụ lục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 thuộc Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới. Cụ thể:

a) Điều chỉnh giảm 13 công trình: do nguồn vốn này Trung ương, tỉnh cấp để thực hiện; cắt giảm một số dự án để bổ sung cho một số công trình, tuy nhiên việc cắt giảm này không ảnh hưởng đến mục tiêu, định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết phụ lục số 02 kèm theo)

b) Điều chỉnh tăng 31 công trình: bổ sung 07 công trình do tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện khởi công giai đoạn 2018 - 2020; 07 công trình vào kế hoạch đầu tư công trung hạn các công trình cấp bách khác; 05 công trình do nhu cầu đối ứng của các xã, thị trấn; 12 công trình giai đoạn 2018 - 2020 thuộc nguồn kiến thiết thị chính.

(Chi tiết phụ lục số 03 kèm theo)

4. Lý do điều chỉnh: bổ sung các công trình mang tính cấp thiết theo quy hoạch chung của tỉnh, huyện. Thực hiện nhiệm vụ theo các tiêu chí nông thôn mới, kiên cố hóa trường, lớp học. Khắc phục lụt bão, sửa chữa một số tuyến đường giao thông do thiên tai. Giảm các công trình chưa thực sự cần thiết trong giai đoạn và chuyển một số hạng mục từ ngân sách huyện sang tỉnh quản lý.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của huyện A Lưới thuộc nguồn vốn ngân sách huyện quản lý được điều chỉnh theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các thành viên tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng tổ chức thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2018. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới./.

CHỦ TỊCH

Hồ Đàm Giang

Phụ lục 01: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện A Lưới)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG CỘNG					200,144.3	10,700.0	115,146.0	-	22,911.0	84,998.3	-		
A	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ					200,144.3	10,700.0	115,146.0	-	22,911.0	84,998.3			
I	Các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng					72,268.4	-	69,237.2	-	13,446.1	3,031.3	-		
1	Nhà công vụ giáo viên xã A Roàng	A Roàng	2015-2016	Phòng GD-ĐT	2062/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	697.4		697.4		497.8	-	QT		
2	Cải tạo nâng cấp trường MN Hoa Ta Vai	Thị trấn	2015-2016	Phòng GD-ĐT	2776/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	578.6		578.6		378.6	0.0	QT		
3	Đường bê tông nông thôn thôn 1 và thôn 3, xã Hồng Kim	Xã H. Kim	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2059/QĐ-UBND 30/10/2014	2,792.2		2,500.0		2,000.0	292.2	QT		
4	Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới (giai đoạn 2). Hạng mục: Nhà triển lãm	Thị trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1286/QĐ-UBND ngày 01/6/2015	2,158.0		2,158.0		-	-	QT		
5	Hội trường xã Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2625/QĐ-UBND ngày 23/9/2015	1,981.0		1,981.0		1,181.0	-	QT		
6	Hội trường xã Đông Sơn	Xã Đông Sơn	2015-2016	UBND xã Đông Sơn	2021/QĐ-UBND 31/10/2014	1,246.0		1,246.0		-	-	QT		
7	Trụ sở HĐND-UBND huyện. Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả	Thị trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2056/QĐ-UBND 30/10/2014	1,098.0		1,098.0		198.0	-	QT		
8	Công chào vào Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới	Thị trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2653/QĐ-UBND, ngày 29/9/2015	756.0		756.0		256.0	-	QT		
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Thành, xã Phú Vinh	Phú Vinh	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2056/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	946.8		946.8		547.0	-	QT		
10	Sửa chữa Hội trường các xã	các xã	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1912/QĐ-UBND ngày 09/7/2015	1,690.4		1,690.3		290.3	0.0	QT		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
11	Trụ sở HĐND - UBND xã Hồng Quảng	Hồng Quảng	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1341/QĐ-UBND ngày 15/7/2014	3,223.0			3,223.0		723.0	-	QT	
12	Nâng cấp tuyến đường Quỳnh Trên	Thị trấn A Lưới	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1414/QĐ-UBND, ngày 29/6/2015	3,033.2			3,033.2		500.0	-	QT	
13	Nâng cấp, sửa chữa đường Hồ Văn Hảo	Thị trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1425/QĐ-UBND, ngày 30/6/2015	939.6			939.6		339.6	0.0	QT	
14	Bãi đỗ xe Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới	Thị trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1424/QĐ-UBND, ngày 30/6/2015	1,136.0			1,136.0		180.0	0.0	QT	
15	Sửa chữa nhà đón tiếp khu du lịch đồi A Biah	Hồng Bắc	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	809/QĐ-UBND ngày 7/5/2015	830.3			830.3		570.3	-	QT	
16	Nâng cấp các tuyến đường giao thông tổ dân phố số 1 và số 5	Thị Trấn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	1876/QĐ-UBND, ngày 21/7/2015	3,193.5			3,193.5		487.0	0.0	QT	
17	Ngầm trần Pa Leng, xã Bắc Sơn	Bắc Sơn	2015-2016	BQL DA ĐTXDKV	2244/QĐ-UBND, ngày 20/8/2015	2,030.1			1,800.0		-	230.1	QT	
18	Đền trang trí trung tâm huyện	Thị trấn	2015-2016	Ban QLCTCC-DVCI	2541/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	937.2			937.1		437.1	0.0	QT	
19	Nhà Văn hóa huyện A Lưới, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa Hội trường, nhà làm việc, hàng rào, nhà để xe, sân nền, cột cờ	Thị trấn	2015-2016	Phòng Văn hóa và TT		449.1			300.0		-	149.1	QT	
20	Nâng cấp, mở rộng đường Konh Hư, lắp đặt công thoát nước Chợ A Lưới	Thị trấn	2015-2016	Phòng Kinh tế và HT	1417/QĐ-UB, 28/7/2014	948.5			948.5		548.5	0.0	QT	
21	Cải tạo, nâng cấp lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã A Ngo.	A Ngo	2015-2016	P. NNPTNT		930.7			930.7		307.0	-	QT	
22	Đường vào khu sản xuất các thôn A La, Brách, Tu Vay, xã Hồng Thái	Hồng Thái	2016	BQL DA ĐTXDKV	1302/QĐ-UBND, ngày 5/6/2015	3,773.7			2,700.0		700.0	1,073.7	QT	
23	Đường vào khu sản xuất thôn Cầm Sâm, xã Hồng Thượng	Hồng Thượng	2016		1303/QĐ-UBND, ngày 5/6/2015	2,844.6			2,844.6			-	QT	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
24	Hệ thống thoát nước chợ Bốt Đò (Giai đoạn 2)	Phú Vinh	2016	Ban ĐTXD	2282/QĐ-UBND, ngày 27/8/2015	266.3		266.3		66.3	-	QT		
25	Nâng cấp, sửa chữa các hội đặc thù huyện A Lưới	Thị Trấn	2016	Ban ĐTXD		476.8		476.8		76.8	-	QT		
26	Đường nội thị Tổ dân phố 6, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2016		2759/QĐ-UBND, ngày 9/10/2015	1,481.8		1,481.8		81.8	-	QT		
27	Nâng cấp, cải tạo Trạm Y tế thị trấn A Lưới	Thị Trấn	2016			347.0		347.0			-	QT		
28	Cải tạo, nâng cấp nhà quản trang nghĩa trang Liệt sỹ huyện A Lưới	Thị trấn	2016	P.LĐTBXH	2070/QĐ-UBND, ngày 7/8/2015	150.3		150.3			-	QT		
29	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ trường THCS Hương Lâm	Hương Lâm	2,016	P. GD-ĐT	2627/QĐ-UBND, ngày 23/9/2015	217.5		217.5		67.5	-	QT		
30	Nâng cấp, Sửa chữa trụ sở làm việc phòng TNMT	Thị trấn	2016	P. TNMT		1,556.2		1,556.2		56.2	-	QT		
31	Sửa chữa, bổ sung cống Khe Klung Xa (thôn 3)	Hồng Thủy	2016	UBND xã Hồng Thủy	2753/QĐ-UBND, ngày 8/10/2015	296.8		296.8		196.8	-	QT		
32	Sửa chữa các điểm bị sạt lở đường từ thôn 1 đi thôn 6, xã Hồng Thủy	Hồng Thủy	2016			852.7		852.7		402.7	-	QT		
33	Sân, hàng rào trụ sở xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	2016	UBND xã Sơn Thủy		690.4		690.4		290.4	-	QT		
34	Sân cầu lông huyện	Thị Trấn	2016	P. VHTT		1,078.3		1,078.3		778.0	-	QT		
35	Nhà văn hóa trung tâm xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	2016	BQL DA ĐTXDKV	1809/30/11/2017	2,975.0		2,800.0			175.0	QT		
36	Nhà vệ sinh thuộc Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 5, thị trấn A Lưới	Thị Trấn	2016	UBND thị trấn A Lưới	1157/08/08/2017	120.0		120.0			-	QT		
37	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 3	Thị Trấn	2016		1352/23/8/2017	158.0		158.0			-	QT		
38	Tuyến đường cho các hộ dân phía sau trường mầm non Hoa Ta Vai	Thị trấn	2016		99/19/01/2018	346.0		340.0			6.0	QT		
39	Nâng cấp, cải tạo trường MN Nhâm	Nhâm	2016	GĐDT	1776/23/11/2017							QT		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
						699.0		699.0			-			
40	Nâng cấp, cải tạo trường TH Đông Sơn	Đông Sơn	2016		670/27/04/2017	755.0		755.0			-	QT		
41	Nâng cấp, cải tạo trường TH Hồng Trung	Hồng Trung	2016		797/18/05/2017	409.0		409.0			-	QT		
42	Trụ sở làm việc phòng Kinh tế & Hạ tầng	Thị trấn	2016		1473/08/10/2018	1,175.0		1,175.0			-	QT		
43	Đường Tô 1, Tổ dân phố số 7, thị trấn A Lưới	Thị Trấn	2016-2020	UBND thị trấn A Lưới	1202/01/08/2018	653.0		550.0			103.0	QT		
44	Tường rào, thệ thống thoát nước chợ Bót Đò	Phú Vinh	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV	1359/23/08/2017	507.0		507.0			-	QT		
45	Nâng cấp, cải tạo tượng đài nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Thị trấn	2017-2020	Phòng LĐTBOXH	985/28/06/2017	913.0		913.0			-	QT		
46	Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới. Hạng mục: Phục chế 02 nhà rường truyền thống	Thị trấn	2017-2020	Phòng Văn hóa và TT	1907/19/12/2017	1,295.0		1,295.0			-	QT		
47	Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới. Hạng mục: Xây dựng mới 02 nhà rường truyền thống	Thị trấn	2017-2020	Phòng Văn hóa và TT	1910/19/12/2017	966.0		966.0			-	QT		
48	Cải tạo trường THCS Nội trú A Lưới	Thị trấn	2017-2020	Phòng GD-ĐT	1936/19/12/2017	823.0		500.0			323.0	QT		
49	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Quảng Lộc, Quảng Thọ	Sơn Thủy	2017-2020	Sơn Thủy	1810/30/11/2017	524.0		524.0			-	QT		
50	Đường giao thông thôn Quảng Hợp	Sơn Thủy	2017-2020	Sơn Thủy	07/2018-09/2018	484.0		400.0			84.0	QT		
51	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Hồng Vân cũ	Hồng Vân	2017-2020	Hồng Vân	1786/23/11/2017	484.0		484.0			-	QT		
52	Nâng cấp, sửa chữa đập Pa lanh 1, Bắc Sơn và hệ thống nước sinh hoạt trường MN Hồng Vân		2017-2020	Phòng NNPTNT	747/27/04/2017	389.0		389.0			-	QT		
53	Cải tạo hội trường xã Hương Lâm	Hương Lâm	2017-2020	Hương Lâm	1906/19/12/2017	582.0		582.0			-	NS xã: 32tr		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh		Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB		
54	Ngầm trần Tổ dân phố 3, thị trấn	Thị trấn	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV	1378/13/9/2018	1,930.0		1,600.0			330.0	QT
55	Nhà làm việc LĐLĐ huyện và Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 4	Thị trấn	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV	1784/23/11/2017	2,003.0		2,003.0			-	QT
56	Hàng rào, sân, vườn trường mầm non xã A Ngo	A Ngo	2017-2020	Phòng GD-ĐT	634/25/4/2017	394.9		394.9			0.0	QT
57	Nhà trưng bày sân bay A Sho xã Đông Sơn	Đông Sơn	2017-2020	Phòng Văn hóa và TT	633/25/4/2017	521.9		521.9		219.0	-	QT
58	Trường mầm non Hoa Đỗ Quyên. HM: 02 phòng học	Thị trấn	2017-2020	Phòng GD-ĐT	559/30/3/2017	1,328.5		1,328.5		700.0	0.0	QT
59	Nâng cấp, sửa chữa đập khe Triết Đông Sơn và Ha Tia xã Hồng Kim		2017-2020	Phòng NNPTNT	623/24/4/2017	1,058.1		1,058.1			-	QT
60	Cụm đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư đường HCM, QL49 và đường TTCX Hồng Thượng		2017-2020	Phòng Kinh tế và HT	786/17/5/2017	1,369.3		1,369.3			-	QT
61	Hồ chứa Ra Ho thị trấn	Thị trấn	2017-2020	Phòng NNPTNT	93/16/01/2017	369.5		369.5		369.5	-	QT
62	Chỉnh trang cây xanh thị trấn A Lưới; trồng cây xanh, cây cảnh dải phân cách đường Hồ Chí Minh	Thị Trấn	2016-2020	Ban QL CTCC &DVCI	1577/QĐ-UBND, ngày 29/10/2015	1,196.3		1,196.3			-	QT
63	Nâng cấp, sửa chữa một số tuyến đường nội thị, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2016-2020		2613/QĐ-UBND, ngày18/9/2015	840.2		840.2			-	QT
64	Sân, tường rào trạm y tế xã A Ngo	A Ngo	2016-2020	UBND xã A Ngo	03/2017-07/2017	465.0		200.0			265.0	QT
65	Sân, tường rào Trụ sở xã A Ngo	A ngo	2016-2020		1903/19/12/2017	907.0		907.0			-	NS xã: 16tr
II	Các dự án đang thực hiện trong giai đoạn					59,035.9	9,700.0	32,685.9	-	8,814.9	26,350.0	
1	Nhà SHCĐ thôn Ka Vin, xã A Đốt	A Đốt	2016-2020	Ban ĐTXD	711/30/3/16	2,500.0		2,300.0		1,400.0	200.0	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
2	Nâng cấp Chợ A Lưới	Thị Trấn	2016-2020	Ban ĐTXD	2870/28/10/16	16,000.0	9,700.0	9,700.0			6,300.0			
3	Hệ thống điện chiếu sáng và điện chiếu sáng trang trí các tuyến đường thị trấn A Lưới	Thị Trấn	2016-2020	Ban QL CTCC &DVCI	2232/QĐ-UBND, ngày 18/8/2015	1,400.0		1,400.0			-			
6	Sửa chữa, bổ sung 02 cống bản trên đường giao thông thôn Nhâm 1, xã Nhâm	Nhâm	2016-2020	P. KT-HT	2876/10/26/15	700.0		700.0		400.0	-			
7	Trạm phát tranh 02 xã Sơn Thủy và Phú Vinh	S.Thủy, P.Vinh	2016-2020	Đài TTTH		1,000.0		1,000.0			-			
8	Nhà trực xã đội 12 xã biên giới	Các xã	2016-2020	BCHQS	2864/28/10/16	3,614.9		3,614.9		1,014.9	-			
9	Nhà trực xã đội các xã còn lại	Các xã	2016-2020			3,000.0					3,000.0			
10	Công viên mini thị trấn A Lưới	Thị trấn	2016-2020		Bổ sung mới	500.0					500.0			
11	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Hoạch nối dài	Thị trấn	2017-2020	Thị trấn	1710/03/11/2017	1,000.0					1,000.0			
12	Thao trường huấn luyện (bắn) tại xã Hồng Trung.	Ban CHQS	2018-2019		Chưa có CTĐT	3,500.0					3,500.0			
13	Đường giao thông thôn Kê 1 đi thôn Kê 2	Hồng Thủy	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV	2860/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5,000.0		4,500.0		4,000.0	500.0			
14	Thao trường bắn xã Hương Lâm	Hương Lâm	2017-2020	Ban CHQS huyện	2863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2,000.0		500.0		500.0	1,500.0			
15	Trụ sở Công an huyện. Hạng mục: Nhà bảo vệ	Thị trấn	2017-2020	Công an		500.0		500.0			-			
16	Sân, hàng rào kè chắn sạt lở đất Hồng Quảng	Hồng Quảng	2017-2020	Hồng Quảng	1331/QĐ-UBND ngày 26/7/2016	1,600.0		1,200.0			400.0			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
17	Duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông 2016	Các xã	2017-2020	Phòng Kinh tế và HT	1144/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	300.0		300.0			-			
18	Trạm phát thanh 02 xã A Đốt, A Roàng	2 xã	2017-2020	Đài TTTH	1118/QĐ-UBND ngày 14/6/2016	1,067.0		1,067.0			-			
19	Sửa chữa, nâng cấp trạm phát thanh không dây các xã	Các xã	2017-2020	Đài TTTH	3206/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	1,054.0		1,054.0			-			
20	Đường sản xuất tư xã Sơn Thủy đi A Ngo	Sơn Thủy	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV	Chuẩn bị đầu tư năm 2018	5,000.0					5,000.0			
23	Hội trường trụ sở HĐND-UBND xã Hồng Thủy	Hồng Thủy	2017-2020	Hồng Thủy		1,800.0		750.0			1,050.0			
24	Cụm máy phát 500W Đài Truyền thanh - Truyền hình	Thị trấn	2017-2020	Đài TTTH		700.0					700.0			
25	Sân, hàng rào trụ sở HĐND-UBND xã A Roàng	A Roàng	2017-2020	A Roàng		700.0		550.0			150.0			
26	Đường thôn A Đên đi khu sản xuất định canh thủy điện A Lưới (1,000m)	Hồng Thượng	2016	B ĐTXDKV	2875/26/10/15	4,100.0		2,750.0		1,500.0	1,350.0			
27	San lấp diện tích vườn cho 17 hộ dân tại Khu tái định cư	Hồng Thượng	2016		2987/30/10/16	2,000.0		800.0			1,200.0			
IV	Các dự án chưa thực hiện giai đoạn 2017 - 2020					15,500.0	-	-	-	-	15,500.0			
1	Đường giao thôn thôn Quảng ngạn đi thôn Quảng lộc, sơn thủy (700m)	Sơn Thủy	2016-2020	Các công trình này đang xin tình bố trí từ nguồn thu của Thủy điện A		3,000.0					3,000.0			
2	Đường giao thông thôn Quảng Vinh, Q. Ngạn, Q. Lợi	Sơn Thủy	2016-2020			2,500.0					2,500.0			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
3	Đường sản xuất thôn Kẩn Te (500m)	Hồng Thượng	2016-2020	Lưới		1,000.0						1,000.0		
4	Đường vào khu sản xuất TĐC Thủy điện A Lưới	Hồng Thượng	2016-2020			3,000.0						3,000.0		
5	Đường giao thông vào khu giãn dân	Hồng Thượng	2016-2020			3,000.0						3,000.0		
6	Xây dựng mới 2000m kênh mương	Hồng Quảng	2016-2020			3,000.0						3,000.0		
V	Dự án bổ sung mới giai đoạn 2018 - 2020					53,340.0	1,000.0	13,223.0	-	650.0	40,117.0			
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở (cũ) xã Hồng Hạ	Hồng Hạ	2018-2019	UBND Hồng Hạ	701/26/4/2018	1,200.0		360.0				840.0		
2	Thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến đường Trường Sơn	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1241/10/08/2018	817.0		408.0				409.0		
3	Thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến đường Konh Khoai, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	Bổ sung mới	1,180.0		590.0				590.0		
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở cũ xã Hồng Thái	Hồng Thái	2018-2019	UBND Hồng Thái	Bổ sung mới	1,000.0		300.0				700.0		
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Đông Sơn	Đông Sơn	2017-2020	UBND Đông Sơn	Bổ sung mới	700.0		210.0				490.0		
6	Đường vào nghĩa trang nhân dân huyện A Lưới	Hồng Thượng	2018	Ban QLDA ĐTXD khu vực	2953/30/10/15	1,500.0		500.0				1,000.0		
7	Tuyến đường phục vụ vùng sản xuất trồng rau sạch, hoa kết hợp du lịch	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1411/24/9/2018	1,955.0		1,955.0				-		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
8	Đường nội thị khu vực đồi thông, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2020	UBND Thị trấn	388/06/03/2018	1,400.0		500.0			900.0			
9	Thiết kế cảnh quan đồi thông, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2020	UBND Thị trấn	387/06/03/2018	1,800.0					1,800.0			
10	Nâng cấp, cải tạo trung tâm DS-KHHGD huyện A Lưới	Thị trấn	2018/2019	Ban QLDA ĐTXD khu vực	565/06/4/2018	1,600.0	1,000.0	1,000.0			600.0			
11	Hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường lớp học mầm non huyện A Lưới	Các xã	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	760/08/5/2018	2,790.0					2,790.0			
12	Kho lưu trữ, phòng họp Ban Thường vụ kết hợp phòng trực tuyến	Thị trấn	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	759/08/5/2018	2,650.0		2,000.0			650.0			
13	Nâng cấp, cải tạo tượng đài Nghĩa trang liệt sỹ huyện A Lưới (gđ 2)	Thị trấn	2018	Ban QLDA ĐTXD khu vực	68/27/02/17	500.0		100.0			400.0			
14	Nâng cấp đập A Uh thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2019	Ban QLDA ĐTXD khu vực	1449/02/10/2018	2,450.0		2,450.0			-			
15	Nâng cấp đập khe Triết Đông Sơn	Đông Sơn	2018-2019	NN&PTNT	1369/12/9/2018	100.0		100.0			-			
16	Nâng cấp đập A Roàng 2	A Roàng	2018-2019	NN&PTNT	1497/16/10/2018	450.0		450.0			-			
17	Sửa chữa và nâng cấp công trình nước sinh hoạt tại xã Hồng Trung	Hồng Trung	2018-2019	UBND Hồng Trung	1598/23/10/2017	300.0		300.0			-			
18	Khắc phục, sửa chữa khu căn cứ Hậu phương xã Hồng Bắc	Hồng Bắc	2018-2019	Ban CHQS	1338/05/9/2018	1,000.0					1,000.0			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư, BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
29	Nâng cấp, mở rộng đường Đinh Núp	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,800.0						4,800.0		
30	Nâng cấp, mở rộng đườn Konh Hư, Động Tiên Công	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,990.0						4,990.0		
31	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Quảng	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,790.0						4,790.0		

PHỤ LỤC 02: ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện A Lưới)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC - HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư , BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
	TỔNG CỘNG					39,500.0	-	-	-	-	39,500.0			
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm bơm điện	Sơn Thủy	2016-2020			1,000.0					1,000.0	Ngân sách tỉnh đã đầu tư		
2	Đường giao thông vào khu sản xuất cà phê xã Hồng Thượng	Hồng Thượng	2016-2020			3,000.0					3,000.0	Chưa cần thiết		
3	Đường Thôn Pa Hy đến khe Kiên Kiên, khe Ka Tê chiều dài 7 km.	Hồng Hạ	2016-2020			5,000.0					5,000.0	Chưa cấp thiết		
4	Đường bê tông thôn Tầm Mu - Cần Nông; Pa Ló, thôn Pát Đu, xã Hồng Quảng	Hồng Quảng	2016-2020			3,000.0					3,000.0	Chưa cấp thiết		
5	Đường Thôn Càn Sâm Từ nhà ông Châu Văn Tha đến nhà ông Côn Hà dài 2km.	Hồng Hạ	2016-2020			2,500.0					2,500.0	Chưa cấp thiết		
6	Hệ thống đường sản xuất các xã	các xã	2017-2020	BQL DA ĐTXDKV		10,000.0					10,000.0	Chương trình 135 đầu tư		
7	Đường giao thông thôn A Hố, xã Hồng Vân, dài 600m	Hồng Vân	2016-2020			1,500.0					1,500.0	Chương trình 135 đầu tư		
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ân Sao, xã A Ngo	A Ngo	2016-2020			2,000.0					2,000.0	Sắp nhập thôn		
9	Nâng cấp trường mầm non Hương Phong	Hương Phong	2016-2020			500.0					500.0	Nông thôn mới đầu tư		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC - HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư , BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh			Ngân sách tỉnh			Thanh toán nợ XDCB
10	Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non xuống cấp	Các xã	2016-2020			2,000.0					2,000.0	Bố trí SNGD hàng năm	
11	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học và THCS xuống cấp	Các xã	2016-2020			3,000.0					3,000.0	Bố trí SNGD hàng năm	
12	San lấp mặt bằng khu đất Trại cá Bớt Đỏ	Hồng Thượng	2017-2020	TTPTQĐ		2,000.0					2,000.0	Nguồn vốn vay	
13	Hạ tầng cơ sở khu phân lô bán đầu giá khu đất Trại cá Bớt Đỏ	Hồng Thượng	2017-2020	TTPTQĐ		4,000.0					4,000.0	Nguồn vốn vay	

PHỤ LỤC 03: ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện A Lưới)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư , BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
	TỔNG CỘNG					53,340.0	1,000.0	13,223.0	-	650.0	40,117.0			
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở (cũ) xã Hồng Hạ	Hồng Hạ	2018-2019	UBND Hồng Hạ	701/26/4/2018	1,200.0		360.0			840.0	Xã đối ứng		
2	Thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến đường Trường Sơn	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1241/10/8/2018	817.0		408.0			409.0	Xã đối ứng		
3	Thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến đường Konh Khoai, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	Bổ sung mới	1,180.0		590.0			590.0	Xã đối ứng		
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở cũ xã Hồng Thái	Hồng Thái	2018-2019	UBND Hồng Thái	Bổ sung mới	1,000.0		300.0			700.0	Xã đối ứng		
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Đông Sơn	Đông Sơn	2017-2020	UBND Đông Sơn	Bổ sung mới	700.0		210.0			490.0	Xã đối ứng		
6	Đường vào nghĩa trang nhân dân huyện A Lưới	Hồng Thượng	2018	Ban QLDA ĐTXD khu vực	2953/30/10/15	1,500.0		500.0			1,000.0	Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
7	Tuyến đường phục vụ vùng sản xuất trồng rau sạch, hoa kết hợp du lịch	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1411/24/9/2018	1,955.0		1,955.0			-	Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
8	Đường nội thị khu vực đồi thông, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2020	UBND Thị trấn	388/06/03/2018	1,400.0		500.0			900.0	Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
9	Thiết kế cảnh quan đồi thông, thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2020	UBND Thị trấn	387/06/03/2018	1,800.0					1,800.0	Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
10	Nâng cấp, cải tạo trung tâm DS - KHHGD huyện A Lưới	Thị trấn	2018/2019	Ban QLDA ĐTXD khu vực	565/06/4/2018	1,600.0	1,000.0	1,000.0			600.0	Đối ứng ngân sách tỉnh		
11	Hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường lớp học mầm non huyện A Lưới	Các xã	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	760/08/5/2018	2,790.0					2,790.0	Đối ứng ngân sách tỉnh		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư , BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách tỉnh
12	Kho lưu trữ, phòng họp Ban Thường vụ kết hợp phòng trực tuyến	Thị trấn	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	759/08/5/2018	2,650.0			2,000.0			650.0	Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	
13	Nâng cấp, cải tạo tượng đài Nghĩa trang liệt sỹ huyện A Lưới (gđ 2)	Thị trấn	2018	Ban QLDA ĐTXD khu vực	68/27/02/17	500.0			100.0			400.0	Dự án cấp bách	
14	Nâng cấp đập A Uh thị trấn A Lưới	Thị trấn	2018-2019	Ban QLDA ĐTXD khu vực	1449/02/10/2018	2,450.0			2,450.0			-	Dự án cấp bách	
15	Nâng cấp đập khe Triết Đông Sơn	Đông Sơn	2018-2019	NN&PTNT	1369/12/9/2018	100.0			100.0			-	Dự án cấp bách	
16	Nâng cấp đập A Roàng 2	A Roàng	2018-2019	NN&PTNT	1497/16/10/2018	450.0			450.0			-	Dự án cấp bách	
17	Sửa chữa và nâng cấp công trình nước sinh hoạt tại xã Hồng Trung	Hồng Trung	2018-2019	UBND Hồng Trung	1598/23/10/2017	300.0			300.0			-	Dự án cấp bách	
18	Khắc phục, sửa chữa khu căn cứ Hậu phương xã Hồng Bắc	Hồng Bắc	2018-2019	Ban CHQS	1338/05/9/2018	1,000.0						1,000.0	Dự án cấp bách	
19	Hệ thống PCCC trụ sở HĐND-UBND thị trấn A Lưới	Thị trấn	2017-2020	UBND Thị trấn	1671/30/10/2017	500.0						500.0	Dự án cấp bách	
20	Nâng cấp nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Kim Đồng, Konh Khoai	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1663/30/10/17	4,950.0						4,950.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
21	Công trình chợ tạm	Thị trấn	2018-2019	HTKT	2870/28/10/16	1,100.0			650.0		650.0	450.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
22	Rãnh thoát nước tuyến đường Trường Sơn	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1670/30/10/17	1,998.0			400.0			1,598.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư , BC KTKT			Lũy kế thông báo vốn đến 30/10/2018			Dự kiến kế hoạch đến năm 2020	Ghi chú		
					Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS tỉnh						Ngân sách tỉnh	Thanh toán nợ XDCB
23	Nâng cấp và sửa chữa đường Kan Tréc, Bắc Sơn, GP A So và A Biah	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1354/23/8/17	850.0			500.0			350.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
24	Sửa chữa nhà SHCĐ tổ dân phố 7	Thị trấn	2018-2019	UBND Thị trấn	1477/21/9/17	350.0			100.0			250.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
25	Bảng chữ Di tích quốc gia đặc biệt đường Hồ Chí Minh	Hồng Vân	2018-2019	P. VT&TT	1474/08/10/2018	350.0						350.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
26	Tụ sở HĐND-UBND huyện A Lưới. Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp Hội trường B, sân vườn, nhà để xe, thiết bị nhà vệ sinh	Thị trấn	2018-2019	VP HĐND-UBND	1362/11/9/2018	1,000.0			350.0			650.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
27	Đường vào điểm du lịch suối Parle xã Hồng Hạ	Hồng Hạ	2018-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	2,500.0						2,500.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
28	Nâng cấp, sửa chữa TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Sơn Thủy	2018-2019	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	1,770.0						1,770.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
29	Nâng cấp, mở rộng đường Đình Núp	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,800.0						4,800.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
30	Nâng cấp, mở rộng đườn Konh Hư, Động Tiên Công	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,990.0						4,990.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	
31	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Quảng	Thị trấn	2019-2020	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Bổ sung mới	4,790.0						4,790.0	Nhu cầu phát triển KTXH cấp thiết	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2018/NQ-HĐND

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 07**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2728/TTr-UBND, ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc thông qua tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; các báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 với các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã; đồng thời nhấn mạnh:

Năm 2019 là năm thứ tư thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XIII, tiếp tục tạo động lực để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Vì vậy, toàn thị xã cần tập trung thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU: Tiếp tục khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng, từng lĩnh vực, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển nhằm nâng cao chất lượng cơ cấu kinh tế, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng hợp lý, phát triển theo hướng bền vững. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng, nâng cao hiệu quả hiệu lực bộ máy quản lý Nhà nước. Thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2019*** Các chỉ tiêu kinh tế**

1. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất so với năm 2018 : 15,5%; trong đó:
- Ngành Dịch vụ tăng : 19%

- Ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng : 16%
- Ngành nông - Lâm - Thủy sản tăng : 3%
- 2. Cơ cấu kinh tế:
 - Dịch vụ : 46%
 - Công nghiệp - Xây dựng : 45%
 - Nông - Lâm - Thủy sản : 9%
- 3. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội : 1.800 tỷ đồng
- 4. Tổng sản lượng lương thực có hạt : 36.500 tấn
- 5. Tổng thu ngân sách : 288,280 tỷ đồng
- 6. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người : 44 triệu đồng/người/năm
- * Các chỉ tiêu xã hội**
 - 7. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm : ít nhất 0,4%
 - 8. Tỷ lệ lao động qua đào tạo : >68%
 - 9. Tạo việc làm mới : 1.700 lao động
 - 10. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng : 7,4%
 - 11. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia : 72-73%;(46-47 trường)
 - 12. Có thêm 01 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
 - 13. Tỷ lệ đô thị hóa : 61%
 - 14. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp 66,5%, trong đó khu vực nội thị : 81%
 - 15. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên : 1,01%
 - 16. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân : 95%
- * Các chỉ tiêu về môi trường**
 - 17. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý : 90%
 - Khu vực nội thị : 95%
 - Khu vực ngoại thị : 86%
 - 18. Tỷ lệ che phủ của rừng : >60%.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Chương trình phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới.
2. Chương trình phát triển dịch vụ - du lịch.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

a) *Dịch vụ*: thực hiện tốt Chương trình “*Phát triển du lịch và dịch vụ*”, đẩy mạnh phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có lợi thế của thị xã.

Chú trọng đầu tư về du lịch và tăng cường phối hợp hành động với các đơn vị liên quan ngành du lịch, của cộng đồng dân cư trong việc phát triển hệ thống các sản phẩm du lịch; Tập trung huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch.

Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong kinh doanh dịch vụ. Nâng cao chất lượng hoạt động các chợ, mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa và dịch vụ; có thêm 02 chợ được tổ chức, quản lý kinh doanh khai thác theo mô hình HTX, Doanh nghiệp quản lý kinh doanh khai thác.

b) Công nghiệp - Xây dựng: Phát triển công nghiệp - TTCN gắn với quy hoạch đô thị, phát triển nông thôn, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tứ Hạ, tạo điều kiện phát triển công nghiệp phụ trợ tại khu và cụm công nghiệp Tứ Hạ.

Tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng. Rà soát di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư đến khu vực quy hoạch. Tiếp tục bảo tồn và phát triển công nghiệp làng nghề, gắn phát triển làng nghề với du lịch, hỗ trợ du nhập, phục hồi các làng nghề.

c) Phát triển nông nghiệp toàn diện và kinh tế nông thôn: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất, góp phần chuyển dịch lao động sang ngành nghề phi nông nghiệp.

Ổn định diện tích sản xuất cây lương thực. Đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm. Hỗ trợ thúc đẩy quá trình đầu tư xây dựng khu sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ của một số doanh nghiệp trên địa bàn.

Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai quy hoạch xây dựng hạ tầng các vùng chuyên canh cây thực phẩm chất lượng cao tại phường Hương Xuân, Hương Chữ, Hương An. Phát triển các vùng trồng hoa, vùng trồng cây dược liệu, tiếp tục nâng cao chất lượng vùng cây ăn quả đặc sản... Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung theo quy hoạch gắn với việc xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh.

Thực hiện tốt công tác trồng, bảo vệ rừng; Phát triển nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

d) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, HTX

- *Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp*: tiếp tục cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Triển khai thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Tổ chức đối thoại định kỳ đối với doanh nghiệp trên địa bàn.

- *Hỗ trợ kinh tế tập thể, HTX*: tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Tiến hành tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển HTX theo chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020. Tập trung củng cố các HTX yếu kém. Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác; liên kết đa dạng.

đ) Đầu tư phát triển: triển khai thực hiện tốt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và năm 2019; tiếp tục tập trung đầu tư cho các công trình, dự án chuyển tiếp để hoàn thành, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

Đề nghị Trung ương, tỉnh tiếp tục đầu tư các dự án khắc phục sạt lở bờ sông Hương, sông Bồ, dự án nâng cấp các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ,... bố trí vốn để triển khai các công trình trọng điểm trong kế hoạch đầu tư công năm 2019.

Ngân sách thị xã tập trung nâng cấp các tuyến đường nội thị; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2019, thực hiện chương trình kích cầu xây dựng ngõ, phố và xây dựng nông thôn.

e) Dự toán ngân sách Nhà nước: phân đầu tổng thu ngân sách nhà nước 288,280 tỷ đồng, bằng 108,63% so với thực hiện năm 2018 (trong đó thu tiền sử dụng đất 60 tỷ đồng), bao gồm: thị xã thu 163,030 tỷ đồng; Cục Thuế trực tiếp thu 123,450 tỷ đồng; các khoản thu được để lại quản lý qua ngân sách nhà nước 1,8 tỷ đồng.

f) Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất thị xã và các phường, xã đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2019. Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả bền vững tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thành công tác cấp mới và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các loại đất theo hồ sơ đo đạc mới.

Thường xuyên quan trắc môi trường để có biện pháp xử lý kịp thời những điểm bị ô nhiễm. Triển khai Đề án di dời nhà máy gạch Tuynen km9 và các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ảnh hưởng xấu môi trường ra ngoài khu dân cư. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; chú trọng kiểm tra chặt chẽ an toàn các hồ đập trên địa bàn.

2. Về văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo: tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện quy hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2016 - 2020. Giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập, bảo đảm 100% phường, xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học và THCS.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; khuyến khích hình thành các cơ sở mầm non tư thục, trung tâm ngoại ngữ, tin học.

b) Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình: tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động y dược; đẩy mạnh xã hội hóa y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở y tế tư nhân. Chú trọng phòng chống dịch bệnh, tăng cường vệ sinh an toàn thực phẩm. Duy trì 100% phường, xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

c) Văn hóa và thông tin: tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị - xã hội và quảng bá hình ảnh thị xã Hương Trà; nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với phong trào xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng nông thôn mới. Phân đầu có 01 - 02 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới và 01 phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa từ thị xã đến phường, xã, thôn, tổ dân phố. Phối hợp bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, các công trình kiến trúc cảnh quan trên địa bàn.

d) Công tác xã hội, bảo đảm an sinh xã hội: thực hiện tốt hơn công tác “*Đền ơn đáp nghĩa*”, các chính sách về an sinh xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội. Có kế hoạch chủ động trong công tác cứu trợ đột xuất, cấp bách.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề. Tăng cường tuyên truyền giáo dục chấp hành pháp luật.

e) Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống: Hoàn thiện và ứng dụng có hiệu quả quy trình kỹ thuật thâm canh cho từng loại cây trồng, vật nuôi. Xây dựng mô hình nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp sinh thái. Khuyến khích đổi mới công nghệ các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

3. Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

a) Phát triển đô thị

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, quan tâm phát triển các công trình văn hóa phúc lợi, quy hoạch và triển khai xây dựng mạng lưới không gian xanh thị xã. Huy động sức mạnh toàn dân tham gia thực hiện chương trình trọng điểm phát triển đô thị.

Hoàn thành lập quy hoạch phân khu khu trung tâm thị xã, quy hoạch phân khu khu vực Bao Vinh, quy hoạch chi tiết khu trung tâm phường Hương Vân, triển khai lập mới các quy hoạch phân khu các phường còn lại theo kế hoạch của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi để huy động nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.

b) Xây dựng nông thôn mới: tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ nay đến năm 2020.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn đến năm 2020 gắn với các quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu trung tâm các phường, xã theo kế hoạch của UBND tỉnh.

Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội, đảm bảo môi trường và an ninh, quốc phòng trong mỗi đề án quy hoạch.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Tích cực làm tốt việc huy động nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy, tạo điều kiện phát huy kinh tế tư nhân. Phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước. Đổi mới phương thức để thu từ quỹ đất có hiệu quả cao nhất; coi trọng bồi dưỡng nguồn thu, thực hành tiết kiệm chi để tập trung cho nhiệm vụ quan trọng trước mắt và để tăng chi cho đầu tư phát triển.

Tăng cường hơn nữa quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trên địa bàn để giải quyết nhanh các vướng mắc về đất đai, quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường... Điều chỉnh bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư phù hợp với quy hoạch; định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Tiến hành đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ công chức nhất là cán bộ phường, xã nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức. Thực hiện nghiêm văn hóa công sở, tạo môi trường làm việc minh bạch, rõ ràng, hiệu quả cao. Thực hiện tốt lộ trình của Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Vận động các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh xã hội hóa để tăng cường các nguồn vốn cho phát triển nhân lực.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy quản lý Nhà nước

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, hướng vào mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh.

Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng; kỷ luật, kỷ cương trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao đạo đức công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực sự trong sạch, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác; tăng cường kiểm tra giám sát và quản lý các trường hợp hạch sách, nhũng nhiễu.

Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Triển khai việc số hóa các văn bản, tài liệu cần trao đổi trong quá trình xử lý công việc. Cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc và nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của chính quyền từ thị xã đến cơ sở. Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ quan, địa phương, phát huy vai trò giám sát của HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể các cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân thị xã triển khai thực hiện nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Hội đồng nhân dân thị xã kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân toàn thị xã nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, nhất trí, phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi, vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã Hương Trà khóa VI, kỳ họp thứ 07 thông qua ngày 14/12/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2018./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2018/NQ-HĐND

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 07**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTMMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 2851/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc đề nghị thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung như sau:

Nội dung phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

1. Diện tích, cơ cấu các loại đất

Trong đó:

- Tổng diện tích tự nhiên: 51.710,47 ha;

- Đất nông nghiệp diện tích 38.549,23 ha;
- Đất phi nông nghiệp diện tích 13.159,11 ha;
- Đất chưa sử dụng diện tích 2,13 ha.

(Có Phụ lục 01 đính kèm)

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

Trong đó:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp với diện tích 1.763,95 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 99,74 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở với diện tích 27,37 ha.

(Có phụ lục 02 đính kèm)

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong đó:

- Đất chưa sử dụng chuyển sang đất nông nghiệp với diện tích 272,67 ha.
- Đất chưa sử dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp với diện tích 71,08 ha.

(Có phụ lục 03 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng nhân dân thị xã, hoàn chỉnh hồ sơ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã đã thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật và tổ chức công bố, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; định kỳ hàng năm tiến hành sơ kết, tổng kết và báo cáo đánh giá trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng Nhân dân thị xã Hương Trà khóa VI, kỳ họp thứ 07 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2018./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

Phụ lục 01**Diện tích, cơ cấu các loại đất trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất
đến năm 2020 thị xã Hương Trà***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018
của HĐND thị xã Hương Trà)*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2015		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020		Diện tích tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		51.710,47	100,00	51.710,47	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	39.996,74	77,35	38.549,23	74,55	-1.447,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.745,63	7,24	3.450,23	6,67	-295,40
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.460,36</i>	<i>6,69</i>	<i>3.202,42</i>	<i>6,19</i>	<i>-257,94</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.647,63	3,19	1.094,17	2,12	-553,46
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.177,85	8,08	3.949,23	7,64	-228,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.816,79	22,85	10.529,98	20,36	-1.286,81
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	18.190,65	35,18	19.024,64	36,79	833,99
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	330,93	0,64	403,27	0,78	72,34
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	87,26	0,17	97,71	0,19	10,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.367,85	21,98	13.159,11	25,45	1.791,26
2.1	Đất quốc phòng	CQP	101,83	0,20	298,89	0,58	197,06
2.2	Đất an ninh	CAN	1.699,35	3,29	1.665,98	3,22	-33,37
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	9,03	0,02	250,00	0,48	240,97
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	34,24	0,07	85,00	0,16	50,76
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,89	0,03	259,56	0,50	245,67
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	126,87	0,25	184,79	0,36	57,92
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	102,57	0,20	102,42	0,20	-0,15
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.690,09	9,07	3.007,95	5,82	-1.682,14
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>950,39</i>	<i>1,84</i>	<i>1.213,84</i>	<i>2,35</i>	<i>263,45</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>451,68</i>	<i>0,87</i>	<i>453,15</i>	<i>0,88</i>	<i>1,47</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3.181,77</i>	<i>6,15</i>	<i>1.150,73</i>	<i>2,23</i>	<i>-2.031,04</i>
2.9.4	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,21</i>	<i>0,00</i>	<i>1,51</i>	<i>0,00</i>	<i>0,30</i>
2.9.5	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,95</i>	<i>0,00</i>	<i>19,23</i>	<i>0,04</i>	<i>18,28</i>

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2015		Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020		Diện tích tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	7,54	0,01	7,76	0,02	0,22
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục	DGD	71,99	0,14	81,15	0,16	9,16
2.9.8	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,46	0,03	21,13	0,04	6,67
2.9.9	Đất chợ	DCH	3,88	0,01	9,13	0,02	5,25
2.9.10	Đất dịch vụ xã hội	DXH	6,22	0,01	10,32	0,02	4,10
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	68,62	0,13	86,07	0,17	17,45
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,60	0,00	48,90	0,09	48,30
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	488,02	0,94	562,02	1,09	74,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	560,02	1,08	868,91	1,68	308,89
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,76	0,03	16,91	0,03	3,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,47	0,01	59,97	0,12	52,50
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	27,51	0,05	27,51	0,05	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	888,06	1,72	920,63	1,78	32,57
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	241,04	0,47	415,72	0,80	174,68
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,38	0,02	19,23	0,04	9,85
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,75	0,01	6,16	0,01	3,41
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	98,47	0,19	98,47	0,19	0,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.039,09	2,01	1.036,71	2,00	-2,38
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.144,56	2,21	3.136,68	6,07	1.992,12
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	345,88	0,67	2,13	0,00	-343,75
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Đất khu kinh tế*	KKT	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6	Đất đô thị*	KDT	15.838,53	30,63	15.838,53	30,63	0,00

Ghi chú: (*) Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Phụ lục 02**Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đến năm 2020 thị xã Hương Trà**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND thị xã Hương Trà)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
I	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	1763,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	283,10
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>245,64</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	354,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	141,26
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	90,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	850,08
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	37,21
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	LUA/PNN	7,41
II	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		99,74
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	10,00
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	88,24
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)	1,50
III	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	27,37

Phụ lục 03**Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong Điều chỉnh quy hoạch
sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Hương Trà**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018
của HĐND thị xã Hương Trà)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	272,67
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	268,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,76
1.8	Đất làm muối	LMU	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,31
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	71,08
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,12
2.2	Đất an ninh	CAN	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	15,63
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	3,40
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,91
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,32
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	18,00
2.9.1	Đất giao thông	DGT	13,17
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	0,64
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	0,02
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	-
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,81
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	0,12
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	0,31
2.9.8	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,30
2.9.9	Đất chợ	DCH	0,63
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,00
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	3,69
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	4,98
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,95
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,50
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,12
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,46
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2018/NQ-HĐND

Nam Đông, ngày 12 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;**Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Tán thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 do Ủy ban nhân dân huyện trình, đồng thời nhấn mạnh:

1. Mục tiêu: Tăng cường các giải pháp để thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn, diện tích Cam và cây có múi; quan tâm đầu tư phát triển du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường; đảm bảo an sinh xã hội, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục- đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Tổng giá trị sản xuất tăng: 12% - 13%, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 12,7%; Nông - Lâm - Ngư nghiệp tăng 4,0%; Dịch vụ tăng 22,7%;

b) Thu nhập bình quân đầu người: 35 triệu đồng;

- c) Tổng sản lượng lương thực có hạt: 4.500 tấn;
- d) Tổng giá trị đầu tư phát triển trên địa bàn: 412 tỷ đồng;
- đ) Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 25,71 tỷ đồng;
- e) Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên: 1,48%;
- g) Tỷ lệ hộ nghèo: 6,36% (giảm 1,47%);
- h) Đào tạo lao động: 500 người;
- i) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn: 10,5%;
- k) Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 94%;
- l) Lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH: 15%;
- m) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý: 93,5%;
- n) Tỷ lệ hộ dùng nước sạch: 74.1%;
- o) Tỷ lệ độ che phủ rừng: 83,4%;
- p) Xây dựng nông thôn mới: Phần đầu 1 đến 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Các chương trình trọng điểm

- a) Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện;
- b) Chương trình xây dựng nông thôn mới - giảm nghèo bền vững;
- c) Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo;
- d) Chương trình cải cách hành chính (*Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, VC*).

4. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Phát triển kinh tế: Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, trong đó chú trọng kinh tế vườn, rà soát quỹ đất, bố trí đất đai hợp lý cho các dự án nông nghiệp; chuyển đổi đất đủ điều kiện, phù hợp sang trồng cam. Xây dựng mô hình nông sản sạch và thương hiệu cho cây cam Nam Đông; tổ chức diễn đàn kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản. Tích cực hỗ trợ, thúc đẩy thành lập các Hợp tác xã và doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quản lý chặt chẽ chất lượng các loại cây giống - con giống. Chỉ đạo thu ngân sách đạt và vượt; kiểm soát chi chặt chẽ, đúng pháp luật.

Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư cấp nước sạch đối với huyện Nam Đông. Duy trì, nâng chất lượng 6 xã đạt chuẩn, xây dựng 1 xã nông thôn mới kiểu mẫu và 6 thôn kiểu mẫu. Huy động, lồng ghép hợp lý các nguồn lực để đầu tư theo Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, tập trung đầu tư các công trình thiết yếu liên quan đến các tiêu chí chưa đạt chuẩn, hỗ trợ nâng cao thu nhập, giảm nghèo, xóa nhà tạm; ưu tiên đầu tư cho các xã theo lộ trình để đạt tiêu chí nông thôn mới. Huy động tốt các nguồn lực trong dân để đầu tư sản xuất, môi trường, đóng góp trong xây dựng kết cấu hạ tầng, công tác giải phóng mặt bằng.

Tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn bằng các chính sách hỗ trợ ưu đãi. Tập trung xúc tiến phát triển du lịch, dịch vụ, ngành nghề, giải quyết việc làm. Gắn phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên, khoáng sản; chủ động phòng chống sạt lở khe suối và sạt lở núi. Thường xuyên quan tâm công tác vệ sinh, môi trường, thu gom xử lý rác thải sinh hoạt. Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, chủ trương về đất đai để người dân thực hiện đảm bảo đúng quy định. Đề xuất các điểm mở khai thác tập trung để đưa vào khai thác đúng quy định. Quy hoạch các điểm dân cư nông thôn để chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo nhu cầu về đất ở của người dân.

Đẩy nhanh tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xử lý, giải quyết các hộ dân xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng phương án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch nông thôn mới; các hộ dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phát triển văn hóa - xã hội

Triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương; thực hiện tốt công tác xã hội hóa về giáo dục. Nâng cao chất lượng đại trà, coi trọng chất lượng mũi nhọn, tạo sự chuyển biến về chất lượng dạy và học. Khắc phục tình trạng học sinh bỏ học sớm, nhất là bậc tiểu học và Trung học cơ sở; phấn đấu huy động học sinh trong độ tuổi đạt cao. Chú trọng việc giao tiếp, làm quen tiếng Việt cho trẻ con em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1, tăng cường các lớp học 2 buổi/ngày ở bậc tiểu học. Thường xuyên tăng cường chỉ đạo của các cấp ủy đảng và công tác phối kết hợp giữa chính quyền, mặt trận, đoàn thể để tuyên truyền, đẩy mạnh công tác huy động số lượng và nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng đến sự hài lòng của người bệnh. Tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân để giảm thiểu tình trạng sinh con thứ ba trở lên, không để xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Thường xuyên triển khai thực hiện việc xây dựng đời sống văn hóa gắn với nông thôn mới; cải thiện cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở. Làm tốt công tác tiếp và phát sóng truyền thanh - truyền hình từ huyện xuống cơ sở. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; quan tâm công tác giải quyết việc làm; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách cho người có công và hộ nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa”.

c) Chỉ đạo, điều hành

Thường xuyên bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 để xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; chỉ đạo, điều hành có trọng tâm, cụ thể, quyết liệt và đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Phát huy ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực thi công vụ; chống mọi biểu hiện cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, lãng phí. Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức; sắp xếp cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo vừa phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành, vừa từng bước nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại gắn với công tác kiện toàn các tổ chức nhằm tăng hiệu quả quản lý, đồng thời tạo nguồn cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện.

Tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính đặc biệt là các thủ tục thực hiện thông qua quy chế một cửa, công khai quy trình giải quyết công việc ở các cơ quan, đơn vị; quy chế ứng xử văn hóa công sở. Thực hiện nghiêm túc nội dung, quy trình đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Thường xuyên sâu sát cơ sở; làm tốt công tác tiếp dân, đối thoại, lắng nghe và giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Chỉ thị 32 của UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Nam Đông khóa VI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Mai Văn Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2018/NQ-HĐND

Phong Điền, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Sau khi xem xét Báo cáo của UBND huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2018, những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.***QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Tán thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 do UBND huyện trình, đồng thời nhấn mạnh một số mục tiêu, chủ đề, chỉ tiêu, chương trình trọng điểm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

I. Mục tiêu: Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Đổi mới, sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

II. Chủ đề năm 2019: “Năm kỷ cương, kỷ luật hành chính. Năm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị”.

III. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2019:

1. Giá trị sản xuất tăng 15% so với năm 2018.
2. Tỷ trọng các ngành:
 - Công nghiệp - xây dựng: 58%
 - Nông, lâm, ngư nghiệp: 24%
 - Dịch vụ: 18%
3. Tổng thu ngân sách theo phân cấp trên địa bàn 200 tỷ đồng, trong đó thu đầu bán quyền sử dụng đất 80 tỷ đồng.
4. Giá trị tăng thêm (VA) bình quân đầu người trên 47 triệu đồng. (Thu nhập bình quân đầu người thực tế 36,4 triệu đồng).
5. Tổng sản lượng lương thực có hạt 60.000 tấn.
6. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 2.400 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn khoảng 180 tỷ đồng.

7. Bê tông hóa giao thông nông thôn 15 km.
8. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên duy trì 1%.
9. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 8,2%.
10. Tỷ lệ huy động học sinh: Nhà trẻ trên 30%; mẫu giáo trên 92% (trong đó trẻ 5 tuổi 100%), tiểu học 100%, trung học cơ sở trên 99%, trung học phổ thông 80 - 85% và trên 83% trường học đạt chuẩn quốc gia.
11. Chỉ tiêu về lao động:
 - Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên 58,5%
 - Đào tạo nghề, tập huấn kỹ năng nghề:
 - + Đào tạo nghề mới 480 lao động.
 - + Tập huấn kỹ năng nghề 1.500 lao động.
 - Giải quyết việc làm mới: 1.180 lao động, trong đó xuất khẩu lao động 80 người.
12. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,45%.
13. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên 98%.
14. Xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Phong Thu và Điền Hòa).
15. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 57%.
16. 100% thôn, bản và 99% hộ sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn TCVN.
17. 100% điểm dân cư, chợ nông thôn được tổ chức thu gom rác thải; 40% thôn, bản được phân loại rác thải; 100% chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom; 70% cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

IV. Các chương trình trọng điểm:

1. Chương trình phát triển công nghiệp - du lịch.
2. Chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển hạ tầng đô thị.
3. Chương trình cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử.

V. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Phân đầu giá trị sản xuất tăng 12-13% so với năm 2018. Chỉ đạo sản xuất 10.230 ha lúa gieo cấy cả năm, trong đó tỷ lệ diện tích sử dụng giống lúa xác nhận trên 96%; diện tích các loại cây trồng khác: Lạc: 1.100 ha; sắn: 1.500 ha; cây ăn quả: 580 ha. Phát triển, mở rộng diện tích sản xuất lúa theo hướng VietGAP khoảng 3.200 ha/năm; tổ chức sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP 100 ha/năm, lúa hữu cơ với diện tích khoảng 70 ha/năm; sản xuất thử các giống lúa mới gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên diện tích khoảng 130 ha. Rà soát diện tích lúa đạt hiệu quả thấp để chuyển đổi sang trồng các loại cây khác như sen, lạc, đậu đỗ, rau màu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, phân đầu cuối năm 2019 nâng tổng diện tích lên khoảng 1.575 ha. Trồng mới 40 ha cây dược liệu để phục vụ chế biến tinh dầu; liên kết tổ chức sản xuất 13 ha lạc hữu cơ; nâng cao hiệu quả trồng cây ăn quả theo hướng VietGAP. Xây dựng một xã một nhãn hiệu hàng hóa nông sản chủ lực, đặc trưng; tăng cường liên kết “4 nhà” trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các xã, thị trấn đều có mô hình sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ một số chính sách ưu đãi theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã kết hợp với việc đưa người có trình độ Đại học về các Hợp tác xã.

Duy trì và phát triển tổng đàn gia súc, gia cầm với số lượng: Đàn bò: 5.500 con (bò lai chiếm trên 55%); đàn trâu 4.300 con; đàn lợn 40.000 con (lợn nạc chiếm trên 75%); gia cầm 450.000 con với phương thức nuôi tập trung của các gia trại, trang trại; Hỗ trợ đầu tư hạ tầng tại các trang trại theo quy hoạch nông thôn mới, trong đó hoàn thành đầu tư hạ tầng và chăn nuôi tập trung tại các trang trại ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác nuôi trồng thủy hải sản với diện tích 600 ha, trong đó, nuôi tôm trên cát 300 ha; tổ chức gắn kết để xây dựng mô hình nuôi tôm theo công nghệ của Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. Tổ chức sản xuất rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng với diện tích mới trong năm 2019 khoảng 500 ha và triển khai dự án trồng cây bản địa với diện tích gần 500 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa đóng cửa. Tăng cường xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ rừng và đầu tư hạ tầng phục vụ khai thác, sản xuất rừng. Duy trì và nâng cao các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; đồng thời, bố trí nguồn lực để đầu tư xây dựng 02 xã: Phong Thu và Điền Hòa đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 và xây dựng 02 xã: Phong Hiền, Điền Lộc đạt xã nông thôn mới nâng cao.

2. Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các loại hình dịch vụ

Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16,4% so với năm 2018. Ưu tiên phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn hoạt động ổn định, hiệu quả, trong đó tập trung phối hợp giải quyết các vướng mắc, khó khăn của người dân khu vực lân cận nhà máy xi măng Đồng Lâm và phối hợp triển khai dây chuyền 2 nhà máy xi măng Đồng Lâm, Nhà máy chế biến bột cát thạch anh ít sắt chất lượng cao; khởi công các dự án điện mặt trời của Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn Thủy, Công ty Thái Đạt, nhà máy điện mặt trời Phong Điền 2 (mở rộng)...; tạo điều kiện dự án của Công ty Cổ phần tập đoàn FLC, các nhà máy thủy điện, dự án sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm... đầu tư hạ tầng và đi vào hoạt động theo kế hoạch. Phối hợp thực hiện quy hoạch phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Đề nghị sớm đầu tư hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và các hồ chỉ thị sinh học môi trường. Đầu tư kết cấu hạ tầng tại các điểm tiểu thủ công nghiệp, trước mắt, năm 2019, ưu tiên đầu tư tại điểm tiểu thủ công nghiệp của 03 xã: Phong Hiền, Điền Lộc, thị trấn Phong Điền. Hoàn thành quy hoạch vùng nguyên liệu phát triển tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các làng nghề và ngành nghề truyền thống.

Phát triển dịch vụ du lịch và thương mại phấn đấu giá trị sản xuất tăng 17% so với năm 2018. Trọng tâm là hình thành việc kết nối tour, tuyến các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn: Thanh Tân Spa - thác A Đon, Khe Me - hồ Quao - Chiến khu Hòa Mỹ - Dốc Ba Trục và dịch vụ homestay tại làng cổ Phước Tích; hỗ trợ phát triển du lịch tại làng cổ Phước Tích, di tích Hòa Mỹ và phối hợp tạo điều kiện hỗ trợ, quy hoạch mở rộng Khu du lịch nước nóng Thanh Tân Spa theo hướng khu du lịch Quốc gia. Triển khai dự án mở rộng chợ An Lỗ. Tăng cường kêu gọi và tạo điều kiện để các nhà đầu tư tiếp cận, tìm hiểu các khu trung tâm thương mại dịch vụ của huyện như: Khu vực ngã tư An Lỗ, ngã tư Tỉnh lộ 9 - Quốc lộ 1A, chợ Phò Trạch, khu vực ngoài hàng rào khu nước nóng Thanh Tân Spa... Tiến hành chuyển đổi mô hình quản lý chợ đối với tất cả các chợ trên địa bàn theo hướng xã hội hóa (thành lập các HTX) để khai thác có hiệu quả.

3. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện tốt công tác quy hoạch

Phối hợp thực hiện các dự án: Đường Hồ Chí Minh đoạn Cam Lộ - La Sơn, đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam qua huyện Phong Điền; dự án Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc; dự án đường dây 500 KV Quảng Trạch Đốc Sỏi... Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án: Mở rộng Đường tỉnh 9 qua thị trấn Phong Điền từ Quốc lộ 1A đi nhà máy xi măng Đồng Lâm, xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở hói Hiền Lương, hạ tầng chỉnh trang trung tâm chợ An Lỗ, chỉnh trang khu dân cư Bò Điền, đường trục chính Trung tâm thị trấn Phong Điền...

Đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn và thực hiện nghiêm theo các quy hoạch được duyệt. Trong đó sớm hoàn chỉnh Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị làng cổ Phước Tích; điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư đô thị mới Phong An; triển khai các quy hoạch chi tiết đô thị thị trấn Phong Điền, Điền Lộc được duyệt. Từng bước xây dựng để công nhận đô thị mới Phong An đạt tiêu chuẩn loại V theo lộ trình được duyệt. Xây dựng Chương trình phát triển đô thị thị trấn Phong Điền. Tăng cường công tác quản lý đô thị, cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép, quy hoạch được duyệt.

4. Tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách; chống thất thu; chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nuôi dưỡng và tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách; công tác quản lý thu ngân sách, thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý nợ đọng thuế, thu nợ tiền sử dụng đất, chống thất thu, trốn thuế, gian lận thuế. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng bán đấu giá quyền sử dụng đất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phân bổ vốn đầu tư, đảm bảo tính công khai, minh bạch; tiếp tục quản lý, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng dự toán giao. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý thu chi ngân sách ở các xã, thị trấn và các hợp tác xã. Ưu tiên chi ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng tạo quỹ đất bán đấu giá quyền sử dụng đất; chương trình dựng nông thôn mới, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp...

5. Phát triển văn hóa - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội

Nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia đảm bảo thực chất, không chạy theo thành tích, phần đầu năm 2019 có thêm 08 trường đạt chuẩn, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 59/71 trường; tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, hướng nghiệp cho học sinh. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Tổ chức sắp xếp, đánh giá, kiểm định lại chất lượng giáo dục trên địa bàn. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Thực hiện tốt các chương trình về y tế, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Làm tốt công tác y tế dự phòng, tăng cường công tác kiểm tra việc hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề của HĐND huyện về: Đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm, Đề án giảm nghèo bền vững và Đề án nâng cao chất lượng làng, thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan, gia đình văn hóa. Đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống văn minh đô thị, văn minh nông thôn. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các di tích lịch sử, văn hóa, tổ chức phục dựng và xây dựng nhà Đại Chung của chiến khu Hòa Mỹ và tượng đài danh tướng Nguyễn Tri Phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các phiên giao dịch việc làm định kỳ, cung cấp thông tin, dự báo, kết nối cung - cầu lao động; phát triển đào tạo nghề, liên kết hợp tác trong công tác đào tạo nghề; gắn đào tạo nghề với sử dụng, giải quyết việc làm và đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội. Huy động, lồng ghép các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

6. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng, tránh thiên tai, biến đổi khí hậu

Quản lý tốt tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, nhất là việc khai thác đất đai, các mỏ khoáng sản, khai thác cát,...; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường. Triển khai quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa của 16 xã, thị trấn để quản lý việc chôn cất theo quy hoạch. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường gắn với Cuộc vận động toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế sáng - xanh - sạch, không rác thải trên địa bàn huyện. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện, nhất là công tác thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại gia đình; trong đó, đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới triển khai thí điểm ít nhất một thôn thực hiện việc phân loại rác thải sinh hoạt tại gia đình. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của Hợp tác xã môi trường. Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, tránh thiên tai, biến đổi khí hậu và công tác phòng cháy, chữa cháy.

7. Tăng cường công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐND huyện về Đề án phát huy sức mạnh tổng hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Đề án đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, giai đoạn 2017 - 2020. Chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, kiên quyết không để xảy ra “điểm nóng” trên địa bàn. Triển khai đồng bộ các giải pháp để kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và các tai tệ nạn xã hội, nhất là tín dụng đen, cho vay nặng lãi, tệ nạn đánh bạc, lô đề, cá độ tỷ số qua mạng, trộm cắp tài sản, ma túy... Tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác quản lý về an ninh trật tự, nhất là quản lý cư trú, lưu trú, quản lý người nước ngoài. Triển khai diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã tại 04 xã: Phong Hải, Điền Hòa, Điền Lộc, Điền Môn. Hoàn thành chỉ tiêu về tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2019. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính quyền các cấp

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khóa XII. Chú trọng và tăng cường công tác dân vận chính quyền, dân chủ ở cơ sở, đồng thời thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp và thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết các đơn thư của tổ chức, công dân để kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Tăng cường công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, nhất là đề cao trách nhiệm, tác phong người đứng đầu. Hoàn thành việc xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao UBND huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND huyện, các vị Đại biểu HĐND huyện phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn được Pháp luật quy định.

Hội đồng nhân dân huyện kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân trong huyện nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, nhất trí, phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua thử thách, tạo sự chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ hơn nữa trên các lĩnh vực để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2019.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/12/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/12/2018./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Đại Vui**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/NQ-HĐND

Phú Vang, ngày 13 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 7***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Sau khi xem xét Tờ trình và báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.***QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Tán thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 do Ủy ban nhân dân huyện trình, đồng thời nhấn mạnh một số mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển

Năm 2019, là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV, Nghị quyết Huyện Đảng bộ lần thứ XIV về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2015 - 2020, với mục tiêu phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững; Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế hội nhập. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống; đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị ở các thị trấn và xã trọng điểm. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, phát huy các giá trị văn hóa. Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

*** Chủ đề của năm 2019: Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế biển, đầm phá.**

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

- a) Giá trị sản xuất (GO) (giá so sánh): 5.415,8 tỷ đồng
 - Dịch vụ: 2.359 tỷ đồng
 - Công nghiệp - TTCN, Xây dựng: 1.956 tỷ đồng
 - Nông, lâm, ngư nghiệp: 1.100,8 tỷ đồng
- b) Sản lượng khai thác và NTTS: 32.100 tấn
 - Sản lượng đánh bắt: 29.050 tấn
 - Sản lượng nuôi trồng: 3.050 tấn
- c) Duy trì sản lượng lương thực có hạt: 75.037 tấn
- d) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng thêm: 2.697 tỷ đồng
- đ) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 231,18 tỷ đồng
- e) Tổng chi ngân sách địa phương: 695 tỷ đồng
- f) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: 9,0%
- g) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 10,4‰
- h) Tỷ lệ hộ nghèo: 5,0%
- i) Tỷ lệ đô thị hóa: 42%
- k) Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới: 02 - 03 xã
- l) Tạo việc làm mới trên: 4.100 lao động
- m) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 64,2%
- n) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 95,25%
- o) Tỷ lệ hộ sử dụng nước máy: 88%
- ô) Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn: 83%

3. Các chương trình trọng điểm

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện 03 chương trình trọng điểm:

- Chương trình nâng cấp và phát triển đô thị ở các thị trấn và xã trọng điểm.
- Chương trình xây dựng nông thôn mới; khôi phục và phát triển kinh tế biển, đầm phá gắn với bảo vệ môi trường.
- Chương trình giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

4. Các dự án và công trình trọng điểm

* Các dự án do tỉnh và các doanh nghiệp đầu tư:

- Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An.
- Công viên biển và bảo tàng Huế của Tập đoàn PSH.
- Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp mở rộng cảng cá Thuận An.
- Đường Chợ Mai - Tân Mỹ.
- Đường Phú Mỹ - Thuận An.
- Hạ tầng kỹ thuật khung đi qua khu đô thị mới Mỹ Thượng (đường mặt cắt 100m và đường mặt cắt 36m) thuộc khu C, đô thị mới An Vân Dương.
- Sửa chữa, nâng cấp đập La Ý.
- Các công trình trường học (THPT Thuận An, THPT Hà Trung, THCS Vinh Thanh, TH Phú Dương).

* Các dự án do huyện đầu tư:

- Điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước các tuyến nội thị Thị trấn Phú Đa.
- Vỉa hè, thoát nước đường Nguyễn Đức Xuyên Thị trấn Phú Đa.
- Nâng cấp đê phân vùng đoạn sông Thiệu Hóa và đê bao kết hợp giao thông nội đồng (Vinh Thái).
- Các công trình sửa chữa kênh tưới (Phú Hồ, Phú Mỹ, Phú Mậu, Phú Thanh).
- Các công trình phục vụ NTTS (Vinh Hà, Vinh Phú).
- Các công trình trường học (THCS Phú Thanh, TH Phú An 2 và Thuận An 1).

5. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Ngoài các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong báo cáo của UBND huyện, Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tổ chức thực hiện quyết liệt trong năm 2019.

a) Tập trung huy động tối đa các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân để đầu tư phát triển sản xuất, ưu tiên cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế biển, đầm phá.

Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt *phát triển dịch vụ du lịch biển và đầm phá của huyện giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*.

Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh và khai thác tốt các bến thuyền tại Phú An, Thuận An để phục vụ cho hoạt động du lịch.

Tiếp tục triển khai thực hiện *phát triển Công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn của huyện giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*. Đẩy mạnh kêu gọi và thu hút đầu tư vào Khu Công nghiệp Phú Đa, ưu tiên trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cao. Kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận An. Hoàn chỉnh đầu tư hạ tầng làng nghề nước mắm xã Phú Thuận.

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, *phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất gắn với bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020*. Chuyển đổi giống, vật nuôi, cây trồng heo hướng hàng hóa, nông sản hữu cơ chất lượng cao; chuyển đổi một số diện tích lúa nhiễm mặn, năng suất thấp sang trồng màu hoặc nuôi trồng thủy sản. Triển khai chương trình lựa chọn sản phẩm chủ lực của cấp xã, cấp huyện.

Tiếp tục vận động ngư dân đóng mới tàu thuyền ra khơi bám biển, hỗ trợ phát triển đội tàu có công suất lớn (trên 400CV) để tăng sản lượng và giá trị khai thác thủy sản. Hỗ trợ, tạo điều kiện chuyển đổi nghề theo hướng phát triển nghề câu khơi, rê khơi,... khai thác các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Làm tốt công tác quản lý, bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản trên biển, đầm phá. Loại bỏ dần hoặc cấm các nghề khai thác hủy diệt, như: giã cào, khai thác rong câu, chích điện,...

Mở rộng mô hình sản xuất “*cánh đồng mẫu*”, phong trào mỗi làng mỗi sản phẩm gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích người dân đầu tư phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại khép kín.

b) Tăng cường quản lý, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới.

Về quản lý, phát triển đô thị: *Tiếp tục nâng cấp và phát triển đô thị Thuận An mở rộng, Phú Đa và xã Vinh Thanh.*

Tăng cường công tác quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, đặc biệt là khu đô thị An Vân Dương, Tỉnh lộ 10. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án giao thông ở Phú Đa, Thuận An, Vinh Thanh,...

Về xây dựng nông thôn mới: Huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư xây dựng nông thôn mới; quan tâm thiết chế xã hội, vệ sinh môi trường,... Giữ vững các chỉ tiêu, đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Chương trình xây dựng nông thôn mới là tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Năm 2019, phấn đấu có thêm 02 - 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục, phát triển toàn diện năng lực thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh. Phấn đấu có thêm 06 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường đạt chuẩn Quốc gia lên 61/77 trường, đạt tỷ lệ 79,2%.

Triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; công tác dân số trong tình hình mới; giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 xuống dưới 15%, nhất là các xã có tỷ lệ sinh con thứ 3 cao hơn 15%.

Thực hiện có hiệu quả về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. Chú trọng các hoạt động đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh phong trào "*Đền ơn, đáp nghĩa*". Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5%.

d) Xây dựng bộ máy trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện việc tinh giản biên chế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đặc biệt là các thủ tục hành chính. Tổ chức hoạt động và vận hành thống nhất, kết nối 03 mô hình: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, huyện và một cửa hiện đại cấp xã. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan hành chính.

đ) Tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng; bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai, biến đổi khí hậu.

Duy trì nghiêm nhiệm vụ trực SSCĐ từ huyện đến cơ sở, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, giải quyết tốt các vấn đề nổi cộm, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong mọi thời điểm.

Triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị trọng đại, các công trình, mục tiêu quan trọng. Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, giám sát chặt chẽ đối tượng trọng điểm, bảo đảm tốt an ninh nông thôn; tăng cường nắm tình hình an ninh biên giới biển. Thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh tôn giáo, chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn quan hệ, móc nối, liên kết lực lượng giữa số cực đoan, chống đối trên địa bàn với các đối tượng ngoài địa phương. Tập trung đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các tà đạo.

Đẩy mạnh công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

e) Chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai:

Triển khai tốt các phương án, biện pháp phòng, chống bão lụt đã đề ra. Chú trọng kiểm tra việc chuẩn bị kế hoạch, phương án di dời dân, phương tiện, lực lượng phòng, chống bão lụt - TKCN ở cơ sở, thôn xóm, tổ đội sản xuất, cụm dân cư dễ phòng, chống có hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Hội đồng nhân dân huyện kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân trong huyện nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, nhất trí, phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực, tạo chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ trên các lĩnh vực, phấn đấu thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ kế hoạch năm 2019, hướng đến hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Vang khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2018/NQ-HĐND

Phú Vang, ngày 13 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020 huyện Phú Vang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết số 136/2015/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 161/2016/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 huyện Phú Vang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 huyện Phú Vang với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh giảm 07 công trình vốn Ngân sách nhà nước với tổng mức đầu tư là 18,961 tỷ đồng. *(Phụ lục 01)*

2. Điều chỉnh tên và tăng tổng mức đầu tư 04 công trình từ 24,2 tỷ đồng lên 41,5 tỷ đồng (tăng 17,3 tỷ đồng) *(Phụ lục 02)*

3. Bổ sung 30 công trình với tổng mức đầu tư 132,9 tỷ đồng (Trong đó: Ngân sách nhà nước: 107,9 tỷ đồng, nguồn vốn khác: 25 tỷ đồng). *(Phụ lục 03)*

4. Bổ sung vốn dự phòng 10% Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 là: 20 tỷ đồng.

* Tổng số vốn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh:	815,927 tỷ đồng
Trong đó: - Nguồn vốn Ngân sách nhà nước	675,282 tỷ đồng
- Nguồn vốn khác	140,645 tỷ đồng

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản về quản lý đầu tư xây dựng của Chính phủ và các Bộ ngành có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, giao Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để xem xét, điều chỉnh theo quy định của Chính phủ và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Vang khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Cường

Phụ lục 01

Danh mục dự án đề xuất đưa ra khỏi danh mục đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Phú Vang)

Nguồn vốn: Ngân sách huyện, ngân sách xã (đối ứng), nguồn khác

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020		Ghi chú
					Tổng cộng NSNN	Nguồn vốn khác	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7 = 8 + 9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	TỔNG CỘNG			18,961	18,961	0	
1	Đường bê tông thôn An Dương 1	Xã Phú Thuận	300m	800	800		Nhà dân ở nhiều, chi phí GPMB cao
2	Đê Diêm Tụ Vinh Thái	Xã Vinh Thái	Ngăn lũ cho 118 ha	1,900	1,900		CTMTQG NTM 2017 đã làm
3	Hệ thống tưới tự chảy bờ Nam Phú Dương + Kênh tiêu Lưu khánh	Xã Phú Dương, Phú Mỹ	Dẫn nước tưới tự chảy cho 60 ha Phú Mỹ, 100 ha Phú Dương và tiêu úng cho 120 ha của Phú Mỹ	2,500	2,500		Trùng CTMTQG NTM 2019
4	Xây mới 4 phòng học trường Mầm non Thuận An	TT. Thuận An	4 phòng học	3,061	3,061		Không đủ diện tích để xây dựng, đề xuất đưa ra để bố trí MN Phú Tân
5	Hệ thống tưới tự chảy vùng Triều Thủy	Xã Phú An		2,500	2,500		Trùng CTMTQG NTM 2020
6	04 phòng học MN Phú Diên	Xã Phú Diên	04 phòng học	3,200	3,200		Trùng công trình vốn Trái phiếu chính phủ đang thực hiện
7	4 phòng học, 2 phòng chức năng, 1 bếp trường MN Phú Mậu 1	Xã Phú Mậu	4 phòng học, 2 phòng CN, 1 bếp	5,000	5,000		Trùng CTMTQG NTM 2020

Phụ lục 02**Danh mục dự án sửa đổi, điều chỉnh giai đoạn 2016 - 2020***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Phú Vang)***Nguồn vốn: Ngân sách huyện, ngân sách xã (đối ứng), nguồn khác**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Theo KH đầu tư công trung hạn 2016-2020							Đề xuất điều chỉnh							Lý do điều chỉnh	Ghi chú
	Tên công trình	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn				Tên công trình	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn					
				Tổng cộng	NS huyện	NS xã, thị trấn, HTX	Nguồn vốn khác				Tổng cộng	NS huyện	NS xã, thị trấn, HTX	Nguồn vốn khác		
	Tổng cộng		24,200	24,200	16,380	7,820	0	Tổng cộng		41,500	41,500	28,275	13,225			Tăng 17,300
1	Trường MN Phú Mỹ 1	03 phòng CN, 1 bếp, cổng tường rào, mặt bằng, sân nền	3,500	3,500	2,975	525		Trường MN Phú Mỹ	03 phòng CN, 1 bếp, cổng tường rào, mặt bằng, sân nền	3,500	3,500	2,975	525		Do sát nhập trường	Điều chỉnh tên công trình
2	Sửa chữa kênh tưới trạm bơm Phú Mậu 1 + Cầu máng	Dài khoảng 2,2km	3,000	3,000	2,550	450		Sửa chữa kênh tưới trạm bơm Phú Mậu	Dài khoảng 2,2km	3,000	3,000	2,550	450		Quá trình khảo sát đổi lại tên	Điều chỉnh tên công trình
3	6 phòng trường MN Phú Tân	6 phòng học	4,800	4,800	4,080	720		Trường MN Phú Tân	10 phòng, cổng, tường rào, san nền	10,000	10,000	9,000	1,000		Đưa công trình 4 phòng MN Thuận An ra để bổ sung 4 phòng vào trường MN Phú Tân, bổ sung cổng tường rào san nền	Điều chỉnh tên công trình, quy mô, Tổng mức đầu tư
4	Hạ tầng kỹ thuật các xã, thị trấn		12,900	12,900	6,775	6,125		Hạ tầng kỹ thuật các xã, thị trấn		25,000	25,000	13,750	11,250		Tăng đầu tư hạ tầng tạo nguồn thu đầu giá đất	Điều chỉnh tổng mức đầu tư

Phụ lục 03

Danh mục dự án bổ sung vào danh mục đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Phú Vang)

Nguồn vốn: Ngân sách huyện, ngân sách xã (đối ứng), nguồn khác

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020		Ghi chú
					Tổng cộng NSNN	Nguồn vốn khác	
1	2	3	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG			132,900	107,900	25,000	
1	Đường liên thôn Vĩnh Lưu - Đông B (từ nhà ông Cẩm đến nhà ông Thúc), xã Phú Lương	Xã Phú Lương	1.300m	2,400	2,400		
2	Nâng cấp đường từ đập La Ý đến Thanh Vinh, xã Phú Mậu	Xã Phú Mậu	2.000m	3,400	3,400		
3	Đường từ tỉnh lộ 10A đến thôn Đông A, xã Phú Lương	Xã Phú Lương	3.000m	5,500	5,500		
4	Đường giao thông liên thôn Dưỡng Mong - Hà Trữ B, xã Vinh Thái	Xã Vinh Thái	1.600m	3,200	3,200		
5	Nâng cấp đường liên xã Phú Dương - Phú An	Xã Phú Dương, xã Phú An	1.900m	3,000	3,000		
6	Via hè các tuyến nội thị Phú Đa (khu vực H Đ Hàm - Đ Quỳnh)	TT. Phú Đa	500m	2,200	2,200		
7	Nâng cấp đường Võ Phi Trắng	TT. Phú Đa	3.400m	9,000	9,000		
8	Đường trục chính thôn Hà Giang, xã Vinh Hà	Xã Vinh Hà	Dài 1.000m	2,200	2,200		
9	Đường giao thông Bàu Tròn - Kế Sung (đoạn nối tiếp)	Xã Phú Diên	Dài khoảng 1.500m	2,500	2,500		
10	Đường bê tông GTNT từ nhà ông Trương Đãi đến nhà ông Nguyễn Ngọc Trung thôn Trung Định Hải	Xã Vinh An	Dài khoảng 1.000m	2,000	2,000		
11	Tuyến đường bê tông từ nhà ông Trai (thôn Nghĩa Lập) đến giáp chợ Hà Trung	Xã Vinh Phú	Dài khoảng 800m	1,600	1,600		
12	Đường NT4 đoạn từ Phá Tam Giang đến đường Khe Làng	Xã Vinh Thanh	Dài khoảng 1.000m	4,500	4,500		
13	Các tuyến đường GTNT 7-3	các xã	10km	7,000	7,000		
14	Sửa chữa kênh tưới Phú Thanh 1	Xã Phú Thanh	Kênh dài 1,5m, Tưới 50 ha	2,500	2,500		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020		Ghi chú
					Tổng cộng NSNN	Nguồn vốn khác	
15	Sửa chữa kênh N2 trạm bơm Phú Mậu 1	Xã Phú Mậu	Kênh dài 1,3m, Tưới 50 ha	2,300	2,300		
16	Sửa chữa kênh tưới trạm bơm Bờ Bắc Phú Dương	Xã Phú Dương	Kênh dài 1,0 m, Tưới 30 ha	1,600	1,600		
17	Nâng cấp đê Xuân Lương Hồ (đoạn Phú Hồ)	Xã Phú Hồ	Dài 1 Km, ngăn lũ cho 450 ha	2,500	2,500		
18	Đê, kênh thoát lũ Phú Lộ	TT. Phú Đa	Dài 2 Km, Thoát lũ vùng cát và ngăn lũ cho 250 ha	3,500	3,500		
19	Đường GTNĐ từ cầu Ông Yến đến Ô Thanh Tuấn	Xã Vinh Hà	Dài 1,8 Km	2,500	2,500		
20	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới trạm bơm Lộc Sơn Phú Xuân	Xã Phú Xuân	Dài 1 Km	1,500	1,500		
21	Xây dựng hạ tầng khu hậu cần nghề cá	Xã Phú Thuận		5,000	5,000		
22	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản các xã (phần điện)	Các xã		5,000	5,000		
23	Trường tiểu học Phú Hồ	Xã Phú Hồ	2 phòng, bếp	1,500	1,500		
24	Trường MN Vinh Xuân	Xã Vinh Xuân	3 phòng chức năng	1,200	1,200		
25	Trường THCS Phú Mậu	Xã Phú Mậu	8 phòng	4,000	4,000		
26	Trường MN Phú Đa 1	TT. Phú Đa	4 phòng	3,300	3,300		
27	Trụ sở UBND xã Phú Lương	Xã Phú Lương		3,000	3,000		
28	Tăng cường cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn			10,000	5,000	5,000	
29	Đền bù, GPMB			15,000	15,000		
30	Quảng trường huyện	TT. Phú Đa		20,000	0	20,000	

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 2847/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 07/12/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch CCHC năm 2019 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh công tác CCHC trọng tâm là tiếp tục đổi mới sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế tại các bộ phận, đầu mối trực thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Đưa CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, là giải pháp quan trọng trong chương trình làm việc năm 2019 của UBND tỉnh, các ngành, các cấp từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn làm cơ sở chỉ đạo, điều hành, góp phần hoàn thành các Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

- Giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ hướng tới nền hành chính kiểu mẫu;

- Chuyển biến mạnh mẽ hiện đại hóa nền hành chính theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả, đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, thống nhất và hội nhập nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Phần đầu Chỉ số CCHC (PAR Index) của tỉnh năm 2019 thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC;

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC 2019 được gắn kết với các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) gắn liền với quản lý nhà nước theo TCVN ISO 2008:2015 trong CCHC;

- Các cơ quan, đơn vị chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp đổi mới để CCHC là khâu đột phá trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Chỉ tiêu

Đảm bảo 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được ban hành đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo chất lượng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện các thể chế được ban hành.

b) Nhiệm vụ

- Thực hiện tốt và hiệu quả Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2019. Tiếp tục nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), đảm bảo văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND các cấp ban hành phù hợp với quy định của pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp.

- Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tham mưu, ban hành văn bản QPPL nhằm loại bỏ tình trạng lợi ích cục bộ trong quá trình ban hành văn bản QPPL. Kịp thời phát hiện và xử lý những văn bản có nội dung không đúng quy định của pháp luật, thiếu đồng bộ, không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Chỉ tiêu

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) từ cấp xã đến cấp tỉnh được quy trình hóa theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; đảm bảo mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về TTHC đạt trên 80%; mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt trên 80%.

- 100% TTHC được đưa vào tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ) cấp xã (trừ các TTHC đặc thù).

- 50% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên, trong đó có 20% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Phân đấu tối thiểu 30% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giao trả trực tuyến ở mức độ 4.

b) Nhiệm vụ

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo 100% thủ tục mới ban hành được đánh giá tác động theo đúng quy định.

- Tập trung thực hiện Danh mục dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 thực hiện năm 2018 (theo Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh).

- Thực hiện đầy đủ việc công khai TTHC theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng dịch vụ công tỉnh, Trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương và niêm yết TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Xây dựng các bộ cơ sở dữ liệu dùng chung (giấy tờ công dân, tổ chức) để đơn giản hóa, cắt giảm các thành phần TTHC, giảm hồ sơ phải nộp khi tham gia giải quyết TTHC tại các cơ quan nhà nước, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

- Tiến hành rà soát nhằm nâng cao tỷ lệ các quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông để giải quyết các TTHC liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu của các cơ quan, của cán bộ, công chức trong cải cách TTHC.

- Tiếp tục tổ chức tốt định kỳ 3 tháng/lần diễn đàn đối thoại trực tuyến “Trao đổi và tháo gỡ” của lãnh đạo tỉnh với cá nhân, tổ chức; duy trì hoạt động có hiệu quả Trang thông tin điện tử “Tiếp nhận, xử lý kiến nghị vướng mắc của doanh nghiệp”. Xây dựng hành lang pháp lý cho việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại các cấp chính quyền và các Trung tâm Hành chính công.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách TTHC. Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân. Tổ chức thực hiện kịp thời và có hiệu quả khi lãnh đạo đơn vị tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo hướng tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực cán bộ theo phương châm “Thân thiện, đúng hẹn, đơn giản”, đảm bảo các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước

a) Chỉ tiêu

- Rà soát, sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện theo quy định khung của Chính phủ; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và nhu cầu của thị trường, xã hội; thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình, giảm số lượng cấp phó của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp và quyết tâm nỗ lực hành động quyết liệt, hiệu quả.

b) Nhiệm vụ

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng, tập trung thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 24/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 100/CTr-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 13/3/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW.

- Triển khai xây dựng mô hình cơ quan hành chính kiểu mẫu các cấp theo hướng chuẩn hóa, mẫu hóa các quy định, quy trình nội bộ, hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục đổi mới việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC trong các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Gắn kết quả đánh giá, xếp loại với công tác thi đua khen thưởng, đánh giá chất lượng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Thực hiện chuyển đổi phương thức hoạt động một số mô hình các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước; sáp nhập các tổ chức sự nghiệp (Ban Quản lý), doanh nghiệp nhà nước có chung chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên cùng địa bàn.

- Thực hiện Đề án cải thiện môi quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân, tổ chức; Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp, quy định đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, và bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức... Việc đánh giá cơ quan hành chính trên cơ sở cụ thể hóa điểm số các tiêu chí đánh giá gắn với các chỉ số tác động với nhiều thành phần tham gia, đánh giá thường xuyên, phương thức đánh giá hiện đại, công khai, minh bạch, công bằng.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của UBND tỉnh về đẩy mạnh công tác CCHC nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước chính quyền các cấp.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Chỉ tiêu

- Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ còn thiếu các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được bồi dưỡng theo quy định

- 100% cơ quan nhà nước bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm khi được phê duyệt.

b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ năng lực thi hành công vụ trong các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cấp xã; sử dụng biên chế theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ trong thực thi công vụ. Thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở cụ thể hóa điểm số các tiêu chí đánh giá gắn với các chỉ số tác động với nhiều thành phần tham gia.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về tinh giản biên chế và Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức bằng hình thức cạnh tranh. Kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức thiếu bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức kém, không đủ năng lực công tác. Đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ, công chức lãnh đạo, viên chức quản lý theo nguyên tắc cạnh tranh.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo nhu cầu công việc và vị trí việc làm; nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi công vụ.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng trang bị kiến thức về công tác cán bộ cho lãnh đạo các cấp; tập trung chỉ đạo cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh rà soát, đánh giá, cập nhật, bổ sung hoặc biên soạn lại tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý được giao theo hướng: bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ mọi mặt, bồi dưỡng toàn diện về kỹ năng, cập nhật kiến thức mới theo từng nhóm đối tượng.

5. Cải cách tài chính công

a) Chỉ tiêu

- Tăng cường các biện pháp để quản lý nguồn thu và đảm bảo nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội chi đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối ngân sách tỉnh theo hướng tích cực, đảm bảo tỷ lệ tích lũy hợp lý cho đầu tư phát triển, thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn ngân sách, đảm bảo các chính sách an sinh xã hội.

- Tăng cường kỷ luật kỷ cương trong quản lý ngân sách, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu.

b) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Triển khai và thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, 117/2013/NĐ-CP đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang hoạt động ở loại hình doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước.

- Phân cấp quản lý tài chính và ngân sách của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống tài chính và tăng cường chủ động của các đơn vị dự toán ngân sách, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính của khu vực công.

- Tích cực, chủ động, vận dụng sáng tạo mô hình kết hợp Nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư và quản lý, khai thác một số công trình, dự án trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực dịch vụ y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao và các dự án cơ sở hạ tầng.

6. Về hiện đại hóa nền hành chính

a) Chỉ tiêu

- 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế triển khai ứng dụng văn bản điện tử liên thông 4 cấp trên phần mềm quản lý và điều hành.

- 100% các cơ quan hành chính có hệ thống mạng thông tin nội bộ, các văn bản, tài liệu chính thức (trừ các văn bản không chuyên qua mạng theo quy định) trao đổi giữa các cơ quan hành chính được giao dịch hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 100% lãnh đạo các đơn vị sử dụng một số ứng dụng dùng chung của tỉnh trên thiết bị máy tính bảng để xử lý và điều hành công việc.

- 100% các đơn vị sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung kết nối cổng dịch vụ công thống nhất toàn tỉnh và kết nối với hệ thống dịch vụ công mức độ 3, 4. Phân đầu đảm bảo tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng đối các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lĩnh vực tư pháp, đăng ký kinh doanh đạt trên 60%. Các dịch vụ công trực tuyến thuộc các lĩnh vực khác đạt tối thiểu 30% được thực hiện qua mạng.

- 100% các cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

b) Nhiệm vụ:

- Thực hiện đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (ISO) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình CCHC gắn liền với việc xây dựng chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 trong các lĩnh vực. Ứng dụng CNTT trong hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là các lĩnh vực liên quan tới phục vụ nhân dân.

- Hoàn thành việc xây dựng, triển khai mô hình chính quyền điện tử trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Nâng cấp các phần mềm dùng chung nhằm phù hợp với ứng dụng trong công việc tại các địa phương, đơn vị; phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành qua môi trường mạng để phục vụ người dân và các tổ chức tốt hơn; thúc đẩy CCHC và nâng cao chỉ số mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT (ICT Index) của tỉnh. Tiếp tục tăng cường hiệu quả ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Thực hiện quản lý hoạt động và cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả Hệ thống điều hành tác nghiệp đa cấp liên thông.

- Kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND tỉnh quy định việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Triển khai hệ thống ISO điện tử (ISO online) tại các cơ quan hành chính cấp sở và cấp huyện.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính các cấp.

- Tăng cường trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử, bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan. Tiếp tục sử dụng và cải tiến 05 phần mềm dùng chung nhằm phù hợp với ứng dụng trong công việc tại các địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) dân cư; triển khai số hóa, xây dựng và duy trì 04 CSDL quan trọng gồm CSDL đất đai, CSDL doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, CSDL cán bộ công chức, CSDL lĩnh vực tư pháp - hộ tịch phục vụ chia sẻ, khai thác, phát triển kinh tế xã hội.

7. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

a) Chỉ tiêu

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện CCHC và chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác CCHC ở cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- 100% sở, ban, ngành và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, UBND cấp huyện, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2019 phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kiểm tra công tác CCHC ít nhất 30% các sở, cơ quan ngang sở, UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra công tác CCHC 30% UBND cấp xã. 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện tự kiểm tra công tác CCHC trong nội bộ và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Nhiệm vụ

- Tổ chức triển khai kịp thời Kế hoạch CCHC của tỉnh. Các sở, ban, ngành và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; UBND cấp huyện và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; UBND cấp xã; các bộ phận trực tiếp giải quyết TTHC xây dựng Kế hoạch CCHC cụ thể, khả thi, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ hoàn thành, phân công trách nhiệm cụ thể.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã tăng cường công tác tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng theo ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách. Tổ chức biên soạn và phát hành rộng rãi các tài liệu thông tin về CCHC phù hợp với từng mục tiêu, yêu cầu, nội dung tuyên truyền, phổ biến đến từng đối tượng.

- Tiếp tục triển khai việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh.

- Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai và tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, biện pháp về CCHC và đẩy mạnh CCHC gắn liền với ứng dụng CNTT và áp dụng ISO nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành, kỷ cương, kỷ luật trong cơ quan nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức về CCHC trong cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Tăng cường và thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC tại đơn vị, địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế căn cứ các định hướng về công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, Kế hoạch CCHC năm 2019 này và tình hình thực tiễn, các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, thực hiện xây dựng kế hoạch CCHC phù hợp.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng các đề án, chương trình, nhiệm vụ CCHC trong kế hoạch, lập dự toán kinh phí thực hiện trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các địa phương, đơn vị thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Nội vụ thống nhất với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về chỉ đạo, điều hành công tác CCHC để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nội dung gì cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

Phụ lục
NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
1	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	Kế hoạch kiểm văn bản QPPL của tỉnh năm 2019	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp	Quý IV/2018
		Kế hoạch rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL của tỉnh năm 2019	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp	
2	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh năm 2019	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh năm 2019	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp	Quý IV/2018
3	Công tác xây dựng văn bản QPPL năm 2019	Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL năm 2019	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp	Quý IV/2018
4	Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL	Bảo đảm 100% văn bản QPPL do HĐND và UBND các cấp ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp	Năm 2019
5	Quản lý về xử lý vi phạm hành chính	Kế hoạch thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp	Quý IV/2018

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
II. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
1	Xây dựng kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2019	Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2019	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2018
2	Xây dựng kế hoạch rà soát TTHC năm 2019	Kế hoạch rà soát TTHC năm 2019	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV/2018
3	Thực hiện công bố TTHC thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Các Quyết định công bố TTHC	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2019
4	Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh	Tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế tại một số sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN, Sở Nội vụ	Năm 2019
5	Triển khai Phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân đối với một số dịch vụ công	Ứng dụng CNTT	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Chuyển tiếp từ năm 2018
III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH					
1	Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức cán bộ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện năm 2019	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác Nội vụ năm 2019	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Năm 2019
2	Triển khai Dự án xây dựng mô hình cơ quan hành chính kiểu mẫu trên cơ sở mẫu hóa hệ thống văn bản quản lý cơ quan	Dự án	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Chuyển tiếp từ năm 2018
3	Triển khai Đề án xây dựng Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã (phần đầu năm 2019 thực hiện tại 100 đơn vị cấp xã)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương trong tỉnh		Năm 2019

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức hoạt động của các Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Kế hoạch kiểm tra năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	01/2019
5	Xây dựng Kế hoạch đánh giá chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh	Kế hoạch	Mời MTTQVN tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Quý II/2019
6	Triển khai đánh giá cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công và UBND cấp huyện	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	11/2019
IV. XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC					
1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2019	Kế hoạch, các lớp đào tạo	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Quý IV/2018
2	Kế hoạch phân bổ biên chế công chức năm 2019	Quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Năm 2019
3	Triển khai đánh giá cán bộ, công chức, cơ quan hành chính	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Năm 2019
V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.	Các quyết định giao quyền tự chủ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp	Năm 2019
2	Triển khai Đề án thí điểm cơ chế khoán cho tư nhân và các tổ chức ngoài nhà nước một số loại dịch vụ công.	Kế hoạch	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp	Năm 2019

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
VI. HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1	Dự án “Xây dựng Chính quyền điện tử”	Dự án	Sở TT&TT	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Chuyển tiếp từ năm 2018
2	Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu điện tử hộ tịch, cấp mã số định danh cá nhân	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các cơ quan liên quan, UBND cấp huyện	Năm 2019
3	Tổ chức triển khai việc xây dựng, áp dụng hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các lớp đào tạo, tập huấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Năm 2019
4	Kiểm tra việc xây dựng và áp dụng, duy trì ISO cấp sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các đợt kiểm tra	Sở Khoa học và Công nghệ		Năm 2019
VII. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VÀ TUYÊN TRUYỀN					
1	Tổ chức hoạt động của Ban Điều hành thực hiện Nghị quyết 02/NQ-TU của Tỉnh ủy	Các hoạt động theo kế hoạch năm 2019	Sở Nội vụ	Các thành viên Ban Điều hành	Năm 2019
2	Tổ chức đánh giá, xếp hạng công tác CCHC các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện năm 2018	Công bố kết quả đánh giá, xếp loại CCHC năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Quý I/2019
3	Xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC cấp tỉnh (PAR INDEX)	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Quý II/2019
4	Thực hiện chương trình nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Tổ chức đánh giá năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Quý III/2019
		Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019			Quý IV/2019

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng các kế hoạch	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2019	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Tháng 12/2018
		100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện ban hành KH CCHC năm 2019 của đơn vị	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Sở Nội vụ	Tháng 01/2019
6	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tập huấn về CCHC	100% UBND cấp huyện và các xã, phường, thị trấn được tập huấn	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Quý III/2019
7	Thực hiện kiểm tra CCHC năm 2019	Xây dựng kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	12/2018
		30% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được UBND tỉnh kiểm tra về công tác CCHC	Sở Nội vụ, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Năm 2019
8	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục CCHC trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, các Đài Truyền thanh - TH địa phương.	Chuyên trang CCHC trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Các Sở: TT & TT, Nội vụ, Tư pháp, VP UBND tỉnh và đơn vị, địa phương liên quan	Hàng tháng/quý
		Chuyên mục CCHC trên Báo Thừa Thiên Huế	Báo Thừa Thiên Huế		
		Tuyên truyền trên hệ thống Đài TT - TH các huyện, thị xã, thành phố Huế	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các cấp	Năm 2019

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
9	Duy trì và nâng cao chất lượng chuyên trang, chuyên mục CCHC trên sóng phát thanh và truyền hình, báo viết	Chuyên trang tuyên truyền CCHC, chuyên mục “Trao đổi và tháo gỡ”	Cổng thông tin điện tử tỉnh	Đài PT&TH tỉnh, Sở TT&TT, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Hàng tháng
		Thông tin tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin điện tử của các đơn vị	Các Sở: TT & TT, Nội vụ, VP UBND tỉnh	Các Sở: TT & TT, Nội vụ, Tư pháp, VP UBND tỉnh	Hàng tháng
10	In ấn tờ rơi tuyên truyền CCHC	Tờ rơi	Sở TT&TT	Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, VP UBND tỉnh	Năm 2019

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 12 năm 2018

CHỈ THỊ

Về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

Năm 2019 là năm quan trọng quyết định thành công thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020; là năm tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc “Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng” và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”;

Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh nhà nói riêng đang gặp nhiều khó khăn. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh:

1. Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trên tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) với hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, để góp phần cùng tỉnh nhà thực hiện hoàn thành và vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019.

2. Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước năm 2019 gắn với nội dung trọng tâm là thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Trong đó, tập trung chỉ đạo các phong trào thi đua trọng tâm như: phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020; phong trào: “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”; phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; tổ chức phát động sâu rộng phong trào thi đua yêu nước lồng ghép với thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân chung sức xây dựng Thừa Thiên Huế

sáng - xanh - sạch, không rác thải” hướng đến mục tiêu xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường” và các phong trào thi đua trên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, cải cách hành chính, an ninh - quốc phòng và các phong trào thi đua khác nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh nhà.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã và thành phố Huế căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, tổ chức phát động phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương đơn vị để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2019, trong đó tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt 04 chương trình trọng điểm: Chương trình phát triển du lịch - dịch vụ; Chương trình phát triển đô thị, hạ tầng kinh tế - kỹ thuật; Chương trình cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh; Chương trình di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 Kinh Thành Huế, với các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục phát triển ngành du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, xứng tầm là trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực. Phát triển du lịch kết hợp với việc xây dựng môi trường xanh, sạch, thân thiện, an toàn và tiện nghi cho du khách; từng bước khẳng định thương hiệu Huế - Kinh đô của lễ hội và ẩm thực.

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững; tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng toàn tỉnh; nâng cao năng lực phục vụ, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh. Phân đấu Thừa Thiên Huế nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về thực hiện cải cách hành chính; chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT), chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của tỉnh xếp ổn định trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.

- Gìn giữ, bảo vệ các giá trị lịch sử, bảo tồn văn hóa còn nguyên vẹn nhất của Việt Nam do tiền nhân để lại cho tương lai; ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân sống trong khu vực 1 di tích; bảo vệ, đảm bảo môi trường, chỉnh trang cảnh quan; phát huy giá trị di tích, tạo sản phẩm du lịch; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng. Nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng chính đồn Đảng, phát huy tinh thần sáng tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với phong trào thi đua, biến nhận thức thành

hành động cụ thể thiết thực, để tạo động lực mạnh mẽ trong các phong trào thi đua yêu nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các phong trào thi đua, phát huy sức mạnh của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, nhân tố mới. Tiếp tục thực hiện chương trình phối hợp giữa cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng với các cơ quan thông tin, truyền thông nhằm tăng cường đăng tải, phát sóng chuyên mục gương "Người tốt việc tốt", các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực; có kế hoạch tuyên truyền với những nội dung thiết thực nhằm nhân rộng và tạo sức lan tỏa trên địa bàn tỉnh, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác thi đua, khen thưởng; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã và thành phố Huế cần có kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng, xây dựng các mô hình mới, nhân tố mới. Thực hiện công tác khen thưởng theo quy định, chú trọng khen thưởng các tập thể, cá nhân là người trực tiếp sản xuất, chiến đấu và công tác.

5. Nội dung phong trào thi đua cần tập trung triển khai các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, khuyến khích đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với quá trình xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

6. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động cụm, khối thi đua từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm việc sinh hoạt chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình giải pháp thiết thực, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh và cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị. Thông qua kiểm tra, đánh giá nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

7. Công tác khen thưởng phải tập trung chỉ đạo từ khâu đề xuất, lựa chọn, phải thực sự dân chủ, công khai, đảm bảo đúng quy trình, đúng thành tích, đúng đối tượng và tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; chú ý khen thưởng người trực tiếp lao động sản xuất, cán bộ cơ sở, cán bộ công tác ở những lĩnh vực, địa bàn khó khăn. Đổi mới phương thức phong tặng hướng tới "tìm người đủ điều kiện để tôn vinh" trong việc xét tặng danh hiệu "Công dân tiêu biểu tỉnh Thừa Thiên Huế", "Công dân danh dự tỉnh Thừa Thiên Huế"; tiếp tục thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới và các mô hình hiệu quả; kịp thời biểu dương, tôn vinh khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến gắn với việc "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp ở các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong việc vận động đoàn viên, hội viên, cán bộ công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện các phong trào thi đua để phong trào thi đua thực sự là động lực tác động tích cực trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh năm 2019 và kế hoạch 5 năm (2016 - 2020).

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

10. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

*A Lưới, ngày 19 tháng 12 năm 2018***NGHỊ QUYẾT****Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người
giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện bầu****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ngày 18 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1.**

Kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 24 người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện bầu.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã triển khai phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Sau cuộc họp liên tịch (ngày 08 tháng 10 năm 2018), Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã thông báo cho người được lấy phiếu tín nhiệm về việc chuẩn bị các nội dung báo cáo theo quy định tại Nghị quyết số 85/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014;

Những người được lấy phiếu tín nhiệm đã có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; bản kê khai tài sản và giải trình đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân huyện bầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện chuyển tới, những nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu và đã gửi đến cho Thường trực Hội đồng nhân dân trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân 30 ngày.

Trước khi tiến hành lấy phiếu tín nhiệm, Hội đồng nhân dân đã tiến hành thảo luận tại tổ về các vấn đề có liên quan đến việc lấy phiếu tín nhiệm và người được lấy phiếu tín nhiệm, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện đã báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả thảo luận tại tổ để Hội đồng nhân dân xem xét.

Điều 2. Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Ông Hồ Đàm Giang, Chủ tịch HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 21 phiếu (chiếm 72,41% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

2. Ông Nguyễn Tân, Phó Chủ tịch HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 27 phiếu (chiếm 93,10% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

3. Ông Nguyễn Văn Hải, Phó Chủ tịch HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 22 phiếu (chiếm 75,86% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 05 phiếu (chiếm 17,24% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

4. Bà Hồ Thị Lan Hương, Trưởng Ban KT - XH HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 22 phiếu (chiếm 75,86% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 05 phiếu (chiếm 17,24% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

5. Ông Hồ Văn Đắp, Trưởng Ban Pháp chế HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 21 phiếu (chiếm 72,41% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

6. Ông Pi Loong Mái, Trưởng Ban Dân tộc HĐND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 21 phiếu (chiếm 72,41% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

7. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch UBND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 20 phiếu (chiếm 68,97% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 07 phiếu (chiếm 24,14% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

8. Ông Nguyễn Quốc Cường, Phó Chủ tịch UBND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 23 phiếu (chiếm 79,31% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 04 phiếu (chiếm 13,79% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

9. Ông Hồ Văn Ngum, Phó Chủ tịch UBND

- Số phiếu tín nhiệm cao: 20 phiếu (chiếm 68,97% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

10. Ông Hồ Viết Ái, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 13 phiếu (chiếm 44,83% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 13 phiếu (chiếm 44,83% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

11. Ông Hồ Văn Bắc, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 08 phiếu (chiếm 27,59% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 18 phiếu (chiếm 62,07% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

12. Ông Hồ Dũng, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 03 phiếu (chiếm 10,34% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 19 phiếu (chiếm 65,52% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 04 phiếu (chiếm 13,79% tổng số Đại biểu HĐND).

13. Ông Hồ Hải Dương, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 15 phiếu (chiếm 51,72% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 11 phiếu (chiếm 37,93% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

14. Ông Hồ Nam Đông, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 09 phiếu (chiếm 31,03% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 17 phiếu (chiếm 58,62% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

15. Ông Lê Trung Hiếu, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 15 phiếu (chiếm 51,72% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 12 phiếu (chiếm 41,38% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

16. Ông Phan Duy Khanh, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 18 phiếu (chiếm 62,07% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 09 phiếu (chiếm 31,03% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

17. Ông Văn Lập, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 14 phiếu (chiếm 48,28% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 12 phiếu (chiếm 41,38% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

18. Ông Ngô Thời Mười, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 18 phiếu (chiếm 62,07% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 02 phiếu (chiếm 6,90% tổng số Đại biểu HĐND).

19. Ông Trần Duy Nguyên, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 10 phiếu (chiếm 34,48% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 15 phiếu (chiếm 51,72% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 3,45% tổng số Đại biểu HĐND).

20. Ông Nguyễn Minh Phương, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 10 phiếu (chiếm 34,48% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 16 phiếu (chiếm 55,17% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

21. Ông Hồ Văn Rêm, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 20 phiếu (chiếm 68,97% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 06 phiếu (chiếm 20,69% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

22. Ông Nguyễn Văn Tân, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 09 phiếu (chiếm 31,03% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 17 phiếu (chiếm 58,62% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

23. Ông Hoàng Công Thành, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 23 phiếu (chiếm 79,31% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 03 phiếu (chiếm 10,34% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

24. Bà Lê Thị Thêm, Ủy viên UBND huyện

- Số phiếu tín nhiệm cao: 24 phiếu (chiếm 82,76% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm: 02 phiếu (chiếm 6,90% tổng số Đại biểu HĐND).
- Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu (chiếm 0% tổng số Đại biểu HĐND).

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện biểu quyết thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Đàm Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/NQ-HĐND

A Lưới, ngày 19 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách huyện năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2019;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2018; dự toán và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Thu ngân sách địa phương năm 2019: 420.424.000.000 đồng.

a) Phần ngân sách giao huyện thu: 22.170.000.000 đồng.

b) Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên: 398.254.000.000 đồng.

2. Thu ngân sách địa phương hưởng: 419.424.000.000 đồng.

a) Thu cân đối ngân sách: 20.570.000.000 đồng.

b) Thu để lại quản lý qua NSNN: 600.000.000 đồng.

c) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 398.254.000.000 đồng.

3. Chi ngân sách địa phương năm 2019: 419.424.000.000 đồng.

a) Chi ngân sách cấp huyện: 297.266.014.000 đồng.

b) Chi ngân sách cấp xã: 122.157.986.000 đồng.

(có các phụ lục số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo)

Điều 2. Phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 cho từng cơ quan, đơn vị thuộc huyện, các cơ quan khác ở huyện; mức bổ sung từ ngân sách huyện cho ngân sách các xã và thị trấn theo các phụ lục số 3, 4, 5, 6, 8, 9 kèm theo.

Điều 3. Thông qua danh mục các công trình đầu tư mang tính chất xây dựng cơ bản, vốn sự nghiệp kinh tế và các công trình thuộc chương trình mục tiêu năm 2019 (có phụ lục số 7 kèm theo).

Điều 4. Ủy ban nhân dân huyện giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị thuộc huyện, các cơ quan khác ở huyện; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện cho ngân sách các xã và thị trấn; phân bổ các công trình đầu tư mang tính chất xây dựng cơ bản, vốn sự nghiệp kinh tế và các công trình mục tiêu năm 2019 theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện; báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ ngân sách huyện, công khai dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định.

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn với mức phân đầu tích cực; quyết định dự toán chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán ngân sách các xã, thị trấn năm 2019 trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 và công khai dự toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành ngân sách, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện cùng Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ Đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các thành viên tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết về dự toán ngân sách huyện năm 2019 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được pháp luật quy định; động viên sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong huyện nhằm thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra; kiên quyết chống thất thu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực làm thất thoát ngân sách. Quản lý chặt chẽ việc chi ngân sách, nhất là chi sự nghiệp kinh tế, chi hành chính; triệt để thực hành tiết kiệm chi.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện biểu quyết thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Đàm Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/NQ-HĐND

A Lưới, ngày 19 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ
của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 12/TTr-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân huyện A Lưới năm 2019 và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2019 (kỳ họp thứ 8 và thứ 9) của HĐND huyện A Lưới như sau:

1. KỲ HỌP THỨ TÁM

a) Thời gian tổ chức kỳ họp: tháng 7 năm 2018.

b) Về nội dung, chương trình kỳ họp

Tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân huyện sẽ xem xét, thảo luận và cho ý kiến các báo cáo công tác 06 tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự huyện;

Báo cáo 6 tháng đầu năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2019, quyết toán ngân sách huyện năm 2018; báo cáo của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

Thường trực HĐND huyện báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri; báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện.

Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân huyện sẽ bàn và quyết định các giải pháp tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách huyện năm 2019 đã được HĐND huyện quyết định tại kỳ họp thứ 7; phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2018; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thông báo tình hình khối

đại đoàn kết toàn dân, Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền và báo cáo kết quả giám sát của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện... Thảo luận và quyết định các Đề án do UBND huyện trình; xem xét việc trả lời chất vấn và quyết định những vấn đề quan trọng khác theo thẩm quyền.

c) Các nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện sẽ thông qua tại kỳ họp

Dự kiến tại kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân huyện sẽ thông qua các nghị quyết: nghị quyết về đẩy mạnh các giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; nghị quyết về phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện năm 2018; nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân huyện năm 2020; nghị quyết về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 7 HĐND huyện.

2. KỲ HỌP THỨ CHÍN

a) Thời gian tổ chức kỳ họp: nửa cuối tháng 12 năm 2019.

b) Về nội dung, chương trình trình kỳ họp

Tại kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân huyện sẽ tập trung đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019, bàn và quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đánh giá tình hình thu chi ngân sách năm 2019, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách huyện năm 2020; nghe Thường trực HĐND huyện báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thông báo tình hình khối đại đoàn kết toàn dân, Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền và báo cáo kết quả giám sát của UBMTTQVN huyện; xem xét các báo cáo công tác năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự huyện;

Báo cáo năm 2019 của Ủy ban nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Xem xét việc trả lời chất vấn và quyết định những vấn đề khác theo thẩm quyền.

c) Các nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại kỳ họp

Dự kiến tại kỳ họp thứ 9, HĐND huyện sẽ thông qua các nghị quyết: nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; nghị quyết về dự toán ngân sách huyện năm 2020; nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND huyện năm 2020; các nghị quyết chuyên đề do UBND huyện đề xuất.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu và các Đại biểu HĐND huyện tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện biểu quyết thông qua./

CHỦ TỊCH

Hồ Đàm Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/NQ-HĐND

*Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018***NGHỊ QUYẾT****Về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà
khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã tại Tờ trình số 2725/TTr-UBND, 16 tháng 11 năm 2018 về việc đề nghị miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã, khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân dự kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông có tên sau:

- Ông Nguyễn Văn Định, lý do chuyển công tác;
- Ông Trần Văn Nam, lý do nghỉ hưu theo chế độ;
- Ông Võ Văn Ninh, lý do chuyển công tác.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã, các cơ quan ban, ngành liên quan và các ông có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 ./.

CHỦ TỊCH**Trần Duy Tuyền**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/NQ-HĐND

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên
Ủy ban nhân dân thị xã, khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản bầu cử Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã, khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã, khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 như sau:

- Ông Trần Xuân Anh - Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;
- Ông Hồ Cẩm - Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;
- Ông Nguyễn Ngọc Linh - Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;
- Ông Hồ Lê Hoàng Thịnh - Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã.

(Có biên bản bầu cử kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách nhà nước thị xã năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 với các chỉ tiêu sau:

1. Tổng thu ngân sách thị xã; phường - xã : 288,280 tỷ đồng.

Trong đó:

- Các khoản giao thị xã thu : 163,030 tỷ đồng
- Các khoản Cục Thuế trực tiếp thu : 123,450 tỷ đồng
- Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách : 1,8 tỷ đồng

(Theo biểu số 01/DT kèm theo)

2. Tổng chi ngân sách thị xã; phường, xã : 484,516 tỷ đồng

- Trong đó:
- Chi ngân sách thị xã : 385,680 tỷ đồng
 - Chi ngân sách phường-xã : 98,836 tỷ đồng

(Theo biểu số 02/DT kèm theo)

Điều 2.

- Phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị và phường - xã.

(Biểu mẫu kèm theo).

- Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn vốn bổ sung có mục tiêu kiến thiết thị chính cho các danh mục công trình năm 2019.

(Biểu mẫu kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã.

Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thị xã cho ngân sách các phường - xã; phân bổ vốn đầu tư cho các công trình, dự án theo nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn trước ngày 31/12/2018 và công khai dự toán theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Xây dựng các giải pháp và kế hoạch tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thị xã để triển khai, thực hiện nghị quyết này.

Trong quá trình điều hành ngân sách, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân cùng Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được Pháp luật quy định.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Hương Trà khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/12/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 tại kỳ họp thứ 10 của Hội đồng nhân dân thị xã khóa V về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;

Sau khi xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã về tình hình thực hiện vốn đầu tư năm 2018 và phân bổ vốn đầu tư công năm 2019 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2019 như sau:

1. Về nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019

- Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 của thị xã và các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện phân công phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các địa phương nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên: phân bổ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; các công trình đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; công trình chuyển tiếp; các công trình dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019; vốn đối ứng cho các chương trình mục tiêu quốc gia, NGO, ODA; vốn cho các dự án khởi công mới.

2. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2019

2.1. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh phân cấp thị xã quản lý: 15 tỷ đồng.

2.2. Nguồn vốn ngân sách thị xã trực tiếp quản lý: 64,5 tỷ đồng

Trong đó:

a) Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu kiến thiết thị chính: 4,5 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 60 tỷ đồng.

Trong đó:

- Ngân sách thị xã quản lý 60%: 36 tỷ đồng, phân bổ như sau:

+ Tăng cường cơ sở vật chất trường học: 2,683 tỷ đồng.

+ Chương trình phát triển đô thị: 9,267 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ kích bê tông giao thông ngõ xóm: 2,0 tỷ đồng.

+ Đầu tư hạ tầng đấu giá thu tiền sử dụng đất: 4,0 tỷ đồng.

+ Thanh toán công trình quyết toán: 1,0 tỷ đồng.

+ Trả nợ vay chương trình xây dựng nông thôn mới: 11,550 tỷ đồng.

+ Trả nợ vốn QH (QH trung tâm các phường; QH, KH sử dụng đất đến năm 2020: 1,5 tỷ đồng

+ GPMB và chi khác: 4,0 tỷ đồng

- Ngân sách xã - phường quản lý 40% là 24 tỷ đồng: Ủy ban nhân dân các phường, xã trình Hội đồng nhân dân các phường, xã xem xét, quyết nghị việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 của địa phương theo đúng nguyên tắc nêu trên và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân thị xã căn cứ vào Nghị quyết này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thị xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Hương Trà khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

Số: 37/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hương Trà, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người
giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
KỲ HỌP THỨ 07 KHÓA VI, NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2014/QH13 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu ngày 13 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kỳ họp thứ 07, Hội đồng nhân dân thị xã Hương Trà khóa VI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu. HĐND đã triển khai đầy đủ mục đích, yêu cầu, nội dung, trình tự, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm; gửi báo cáo về kết quả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phần chất vấn, đạo đức, lối sống của những người được lấy phiếu tín nhiệm đến từng đại biểu HĐND. Việc lấy phiếu tín nhiệm đã được tổ chức chặt chẽ, theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm như sau:

1. Ông Trần Duy Tuyến, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã

+ Số phiếu hợp lệ : 34

+ Số phiếu không hợp lệ : 0

+ Số phiếu tín nhiệm cao : 33 phiếu (chiếm 97,1% tổng số đại biểu HĐND)

+ Số phiếu tín nhiệm : 01 phiếu (chiếm 2,9% tổng số đại biểu HĐND)

+ Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

2. Ông Châu Viết Thành, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 22 phiếu (chiếm 64,7% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 11 phiếu (chiếm 32,4% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 01 phiếu (chiếm 2,9% tổng số đại biểu HĐND)

3. Ông Nguyễn Văn Tri, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 29 phiếu (chiếm 85,3% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 05 phiếu (chiếm 14,7% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

4. Ông Đỗ Ngọc An, Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 25 phiếu (chiếm 73,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 09 phiếu (chiếm 26,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 0 phiếu.

5. Ông Nguyễn Duy Hùng, Trưởng ban kinh tế - xã hội, HĐND thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 30 phiếu (chiếm 88,2% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 04 phiếu (chiếm 11,8% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

6. Ông Nguyễn Xuân Ty, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 30 phiếu (chiếm 88,2% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 04 phiếu (chiếm 11,8% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

7. Ông Lê Hồng Thắng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 25 phiếu (chiếm 73,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 09 phiếu (chiếm 26,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

8. Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 12 phiếu (chiếm 35,3% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 18 phiếu (chiếm 52,9% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 04 phiếu (chiếm 11,8% tổng số đại biểu HĐND)

9. Ông Trần Ngọc Huyền, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 30 phiếu (chiếm 88,2% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 04 phiếu (chiếm 11,8% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu.

10. Ông Dương Văn Đức, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 25 phiếu (chiếm 73,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 09 phiếu (chiếm 26,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

11. Ông Hồ Xuân Phương, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 29 phiếu (chiếm 85,3% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 05 phiếu (chiếm 14,7% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

12. Ông Mai Công Dương, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 21 phiếu (chiếm 61,8% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 12 phiếu (chiếm 35,3% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 01 phiếu (chiếm 2,9% tổng số đại biểu HĐND)

13. Ông Trương Văn Đới, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 25 phiếu (chiếm 73,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 09 phiếu (chiếm 26,5% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

14. Ông Trần Hưng Long, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 13 phiếu (chiếm 38,2% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 18 phiếu (chiếm 53% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 03 phiếu (chiếm 8,8% tổng số đại biểu HĐND)

15. Ông Hoàng Kim Sung, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 15 phiếu (chiếm 44,1% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 17 phiếu (chiếm 50% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 02 phiếu (chiếm 5,9% tổng số đại biểu HĐND)

16. Bà Nguyễn Thị Thanh Toàn, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 29 phiếu (chiếm 85,3% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 05 phiếu (chiếm 14,7% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 0 phiếu

17. Ông Nguyễn Xuân Thanh, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 27 phiếu (chiếm 79,4% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 07 phiếu (chiếm 20,6% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp : 0 phiếu

18. Bà Nguyễn Thị Hậu, Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã;

- + Số phiếu hợp lệ : 34
- + Số phiếu không hợp lệ : 0
- + Số phiếu tín nhiệm cao : 21 phiếu (chiếm 61,8% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm : 13 phiếu (chiếm 38,2% tổng số đại biểu HĐND)
- + Số phiếu tín nhiệm thấp: 0 phiếu

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Trần Duy Tuyền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Phong Điền, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT**Về phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước huyện năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước tỉnh năm 2019;

Sau khi xem xét Tờ trình số 396/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước huyện năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1.** Hội đồng nhân dân huyện tán thành thông qua dự toán ngân sách Nhà nước huyện, xã, thị trấn năm 2019 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng DT 2019	Trong đó	
			NS huyện	NS xã, thị trấn
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2019	200.010	94.270	64.230
1	Thu cân đối ngân sách huyện quản lý thu	149.210	80.880	61.480
2	Thu cân đối ngân sách Cục Thuế trực tiếp quản lý thu	48.050	13.390	0
3	Thu các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách	2.750		2.750

TT	Nội dung	Tổng DT 2019	Trong đó	
			NS huyện	NS xã, thị trấn
II	Tổng thu ngân sách huyện, xã, thị trấn hưởng (A+B)	547.009	409.484	137.525
A	Tổng thu cân đối ngân sách huyện	544.259	409.484	134.775
1	Các khoản thu ngân sách huyện xã, thị trấn hưởng 100%	42.070	31.530	10.540
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	113.679	62.740	50.939
3	Thu bổ sung ngân sách	388.510	315.214	73.296
B	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách	2.750		2.750
III	Tổng chi ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2019 (C+D)	547.009	409.484	137.525
C	Chi cân đối qua ngân sách nhà nước	544.259	409.484	134.775
1	Chi từ tiền sử dụng đất	80.000	38.500	41.500
<i>a</i>	<i>Chi đầu tư XD CB từ tiền sử dụng đất</i>	<i>74.342</i>	<i>32.842</i>	<i>41.500</i>
<i>b</i>	<i>Chi sự nghiệp từ tiền sử dụng đất</i>	<i>5.658</i>	<i>5.658</i>	
2	Chi thường xuyên	453.587	362.955	90.632
3	Dự phòng ngân sách	10.672	8.029	2.643
D	Chi các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách	2.750		2.750

Điều 2. Dự toán ngân sách Nhà nước quy định tại Nghị quyết này được áp dụng trong niên độ ngân sách năm 2019.

Điều 3. Trong quá trình điều hành ngân sách, căn cứ vào khả năng cân đối của nguồn thu và nhiệm vụ chi, Ủy ban nhân dân huyện cùng với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào nội dung của Nghị quyết này tiến hành điều hành ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Điều 5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đại Vui

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/NQ-HĐND

Phong Điền, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua điều chỉnh số liệu quyết toán
ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 3 về phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước huyện năm 2017;

Sau khi xem xét Tờ trình số 307/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua điều chỉnh số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước tại địa bàn huyện năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh số liệu quyết toán thu, chi ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2017 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2017:	811.389.488.266 đồng.
- Thu ngân sách huyện hưởng:	583.178.078.451 đồng.
- Thu ngân sách xã, thị trấn hưởng:	228.211.369.815 đồng.
2. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2017:	764.350.332.935 đồng.
- Chi ngân sách huyện:	560.727.975.045 đồng.
- Chi ngân sách xã, thị trấn:	203.622.357.890 đồng.
3. Kết dư ngân sách năm 2017:	47.039.115.331 đồng.
- Kết dư ngân sách huyện:	22.450.103.406 đồng.
- Kết dư ngân sách xã, thị trấn:	24.589.011.925 đồng.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VI tại kỳ họp thứ 6 về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách huyện, xã, thị trấn năm 2017.

Điều 3. Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện xử lý kết dư ngân sách và sử dụng có hiệu quả theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đại Vui

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

Phong Điền, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về thông qua kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề
phát sinh giữa hai kỳ họp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN
KHÓA VI, KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 148/TTr-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện kèm theo Báo cáo số 78/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua 13 nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 7, HĐND huyện, khóa VI) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện (tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa VI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đại Vui

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Các nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 7, HĐND huyện, khóa VI) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân huyện thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện)

1. Thống nhất chủ trương mua xi măng và danh mục công trình dự kiến phân bổ xi măng để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2018 với số lượng là 4.000 tấn từ nguồn kinh phí sử dụng nguồn thu đầu bán quyền sử dụng đất năm 2019; dự phòng ngân sách huyện nếu chưa sử dụng hết của năm 2018 và lồng ghép các nguồn hợp pháp khác.

2. Thống nhất việc sáp nhập Trường Tiểu học Bắc Hiền vào Trường Tiểu học Tây Hiền thuộc xã Phong Hiền.

3. Thống nhất danh mục các địa phương đăng ký sử dụng xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù trong năm 2018 thuộc Chương trình “Xi măng Đồng Lâm đồng hành xây dựng nông thôn mới”

4. Thống nhất sử dụng ngân sách huyện với số tiền 409.489.000 (*Bốn trăm lẻ chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn*) từ nguồn kết dư ngân sách năm 2017 chuyển sang năm 2018 để thực hiện mô hình liên kết trồng ớt và tiêu thụ sản phẩm ớt trên địa bàn huyện năm 2018.

5. Thống nhất điều chỉnh kinh phí từ nguồn thu phí thoát nước trong dự toán năm 2016, năm 2017 với số tiền là 3.500.000.000 đồng đã bố trí đầu tư dự án Chính trang khu dân cư Bồ Điền, xã Phong An sang đầu tư công trình Hạ tầng kỹ thuật khu định cư xã Phong An

6. Thống nhất điều chỉnh kinh phí thực hiện nội dung “Hạ tầng khu du lịch Khe Me: 0,7km đường giao thông, đường an toàn ven thác, san mặt bằng bãi đỗ xe” với số tiền 450 triệu đồng sang nội dung “Hạ tầng khu du lịch sinh thái thác A Đon; sửa chữa và xây nhà vệ sinh; xây dựng một số hàng rào bằng thép không rỉ ven suối”

7. Thống nhất sử dụng ngân sách huyện với số tiền 2.242.735.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn*) từ nguồn kết dư ngân sách năm 2017 để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch phân lô Khu dân cư Xạ Biêu, thị trấn Phong Điền.

8. Thống nhất các danh mục cần duy tu, bảo dưỡng các công trình UBND huyện đề xuất từ nguồn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (09 công trình) và từ nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (05 công trình)

9. Thống nhất việc sáp nhập Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Đài Truyền thanh huyện, Thư viện huyện thành Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Phong Điền.

10. Thống nhất về tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách nhà nước huyện năm 2018 và dự kiến dự toán ngân sách nhà nước huyện 2019.

11. Thống nhất phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ trên địa bàn huyện Phong Điền.

12. Thống nhất danh mục 03 công trình: Hạ tầng khu dân cư vùng La Ngà Hòa Viên và đường Quốc lộ 49B đi Hải Hòa, xã Phong Bình; hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất trang trại ở xã Điền Môn; đường giao thông từ quốc lộ 49B vào đường Hương thôn xã Điền Hòa để đăng ký vào danh mục dự án sử dụng 10% vốn dự phòng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

13. Thống nhất sử dụng ngân sách huyện với số tiền 20.173.925.000 đồng (Hai mươi tỷ một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn) từ nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2017 chuyển sang năm 2018 để thực hiện các hạng mục: Hỗ trợ mua sắm tài sản phục vụ nhu cầu công tác tại các xã, thị trấn; sửa chữa trụ sở cơ quan chuyên môn huyện, Hội trường UBND huyện và Nhà thi đấu đa năng, Văn phòng Huyện ủy; Nhà ẩm thực tại làng cổ giai đoạn 2; đường giao thông nông thôn Phong Xuân, Phong Chương; điện chiếu sáng các tuyến đường Thị trấn Phong Điền, các tuyến đường khu công nghiệp Phong Điền, đường Đất đỏ - thị trấn Phong Điền; điện chiếu sáng, vỉa hè, thoát nước đường tỉnh lộ 6; tập huấn lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho người dân xã Phong An, Phong Mỹ; thực hiện Đề án Bộ phận tiếp nhận TKQ cấp xã hiện đại; mua sắm bàn ghế phục vụ công tác dạy học; hỗ trợ làm đường mẫu sáng xanh sạch đẹp tại xã Phong Mỹ; đường tránh lũ Phong Thu - Thị trấn Sịa; đường vào khu di tích sở Ấn loát tài chính Trung bộ.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Phong Điền, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về kết quả giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa
trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN KHÓA VI,
KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Sau khi nghe Báo cáo số 82/BC-ĐGS ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Đoàn Giám sát HĐND huyện về kết quả giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành nội dung báo cáo của Đoàn Giám sát HĐND huyện về kết quả giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

Công tác dồn điền đổi thửa trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã được UBND huyện, các cơ quan có liên quan ở huyện, UBND các xã chỉ đạo, chủ động triển khai thực hiện đảm bảo đúng với chủ trương, định hướng Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện; đã ban hành Đề án, kế hoạch và lộ trình cụ thể triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện, nhìn chung công tác dồn điền đổi thửa bước đầu đã có những hiệu quả: Đã chỉnh trang lại đồng ruộng, tạo ra cánh đồng liên vùng (xã Diên Lộc có vùng trên 20 ha, thôn An Lỗ - xã Phong Hiền trên 15 ha), đã quy hoạch được giao thông nội đồng, quy hoạch lại thủy lợi thuận lợi cho việc cơ giới hóa trong nông nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật, giảm được sức lao động, giảm chi phí đầu tư (chi phí sản xuất giảm được 1.520.000 đồng/ha so với trước khi dồn điền đổi thửa) và tăng hiệu quả kinh tế; bước đầu đã kết nối, liên kết với các doanh nghiệp để tổ chức sản xuất theo hướng bao tiêu sản phẩm cho nông dân; người dân đã nhận thức được lợi ích khi dồn điền đổi thửa, tạo được sự đồng tình và ủng hộ trong quá trình thực hiện...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện, các cơ quan có liên quan ở huyện, UBND các xã có lúc còn thiếu tập trung và chưa đồng bộ; kinh phí thực hiện dồn điền đổi thửa còn nhiều khó khăn, đặc biệt là

kinh phí thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội đồng, kênh mương, thủy lợi...; công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa còn chậm; việc tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp theo mô hình tập trung quy mô lớn vẫn chưa thực sự rõ nét; diện tích đất trồng lúa vẫn còn phân tán và manh mún làm giảm hiệu quả sử dụng đất, khó khăn cho ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hoá đồng ruộng dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả sử dụng đất không cao đặc biệt là làm giảm khả năng cạnh tranh của nông nghiệp địa phương.

Để tiếp tục làm tốt công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện từ nay đến hết năm 2020, Hội đồng nhân dân huyện đề nghị UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với UBND huyện:

1.1. Chỉ đạo UBND các xã khi thực hiện dồn điền đổi thửa phải trên cơ sở các nguyên tắc: Quy hoạch lại đồng ruộng và phương án tích tụ ruộng đất.

- Về quy hoạch lại đồng ruộng: Chỉ đạo rà soát, tính toán cụ thể phương án quy hoạch lại đồng ruộng nhằm hình thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thuận lợi ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa trong sản xuất.

- Về phương án tích tụ ruộng đất: Chỉ đạo xây dựng phương án tích tụ ruộng đất phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp theo mô hình tập trung quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hoá để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và năng suất sản xuất. Trong quá trình tích tụ ruộng đất, đề nghị UBND huyện chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các quyền cho thuê, góp vốn, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên cơ sở đó để sử dụng đất một cách hiệu quả, mang lại lợi ích nhiều hơn cho người sử dụng đất.

1.2. Khi thực hiện dồn điền đổi thửa cần lưu ý một số nội dung sau:

- Chỉ đạo UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền về công tác dồn điền đổi thửa tạo sự đồng tình, ủng hộ trong nhân dân; đồng thời tổ chức công khai nguồn kinh phí thực hiện dồn điền đổi thửa cho nhân dân được rõ (đặc biệt là nguồn kinh phí do nhân dân đóng góp).

- Chỉ đạo khẩn trương thực hiện công tác đo đạc, bàn giao đất trên thực địa khi thực hiện dồn điền đổi thửa và lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân đảm bảo kịp thời và theo quy định.

- Chỉ đạo UBND các xã xây dựng phương án sản xuất và kết nối, liên kết với các doanh nghiệp để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, bao tiêu sản phẩm cho nông dân. Khuyến khích hình thành các Hợp tác xã có phương án hoạt động hiệu quả, tích tụ ruộng đất.

1.3. Về kinh phí thực hiện: Tiếp tục kiến nghị UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí theo Đề án dồn điền đổi thửa của huyện. Trong lúc chờ UBND tỉnh, trước mắt UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện các nội dung sau: Hoạt động tuyên truyền; quy hoạch lại đồng ruộng; đo đạc, lập hồ sơ địa chính.

1.4. Đối với các xã trong Đề án của UBND huyện theo lộ trình thực hiện dồn điền đổi thửa trong năm 2020: Chỉ đạo UBND các xã thực hiện trong năm 2019 để đi vào sản xuất.

Đối với các xã còn lại không có trong Đề án của UBND huyện: Chỉ đạo UBND các xã xây dựng phương án dồn điền đổi thửa kết hợp với quy hoạch lại đồng ruộng. UBND huyện dự toán kinh phí, trình HĐND huyện xem xét, quyết định triển khai thực hiện trong năm 2020.

2. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện chỉ đạo, tăng cường công tác giám sát và phối hợp triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện, xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phong Điền khóa VI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đại Vui

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.